

ĐẶT VẤN ĐỀ

Đất đai là tài nguyên quốc gia vô cùng quý giá, là tư liệu sản xuất đặc biệt, là thành phần quan trọng hàng đầu của môi trường sống, là địa bàn phân bố các khu dân cư, xây dựng các cơ sở kinh tế, văn hóa, xã hội, quốc phòng an ninh. Công tác lập quy hoạch và kế hoạch sử dụng đất là một yêu cầu đặc biệt để sắp xếp quỹ đất đai cho các lĩnh vực và đối tượng sử dụng hợp lý, có hiệu quả phục vụ phát triển kinh tế - xã hội, giữ vững an ninh, quốc phòng, tránh được sự chông chéo, gây lãng phí trong sử dụng, hạn chế sự hủy hoại đất đai, phá vỡ môi trường sinh thái.

Luật Đất đai (tại Điều 52, Điều 63) quy định căn cứ để thu hồi đất, giao đất, cho thuê đất, cho phép chuyển mục đích sử dụng đất là Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện đã được cơ quan nhà nước có thẩm quyền phê duyệt và theo quy định tại Khoản 1 Điều 6 Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch (đã sửa đổi, bổ sung khoản 2 Điều 35, khoản 3 Điều 39, khoản 1 và khoản 3 Điều 40 Luật Đất đai năm 2013): kế hoạch sử dụng đất phải phù hợp với quy hoạch sử dụng đất và căn cứ lập quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất cấp huyện là quy hoạch tỉnh, kế hoạch sử dụng đất cấp tỉnh.

Huyện Ninh Hải là cửa ngõ phía Đông Bắc của thành phố Phan Rang - Tháp Chàm. Diện tích tự nhiên 253,58 km², dân số 93.491 người, mật độ dân số 368,6 người/km². Huyện có thị trấn Khánh Hải và 8 xã (Hộ Hải, Nhơn Hải, Phương Hải, Tân Hải, Thanh Hải, Tri Hải, Vĩnh Hải, Xuân Hải). Hệ thống giao thông thuận lợi gồm Quốc lộ 1, đường ĐT.702, ĐT.704, ĐT.705, đường sắt Bắc – Nam, cảng cá Ninh Chữ, bến cá Mỹ Tân là điều kiện thuận lợi cho huyện Ninh Hải phát triển kinh tế xã hội, đóng góp vào sự phát triển chung của tỉnh Ninh Thuận và cả nước.

Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Hải đã được phê duyệt tại Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh; Đây là cơ sở pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất hàng năm của huyện.

Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Hải được phê duyệt tại Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 và phê duyệt cập nhật, bổ sung công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Hải tại Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh. Làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện năm 2023.

Việc lập Kế hoạch sử dụng đất hàng năm cấp huyện được thực hiện theo quy định của Luật Đất đai ngày 29/11/2013 (tại Khoản 3, 4 Điều 40), Luật số 35/2018/QH14 ngày 20/11/2018 Luật sửa đổi, bổ sung 37 luật liên quan đến quy hoạch (tại Điều 6); Nghị định số 43/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Đất

đai (tại Khoản 3 Điều 7); Nghị định số 148/2020/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai (sửa đổi, bổ sung Khoản 4 Điều 9 NĐ số 43/2014/NĐ-CP) và Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất để phục vụ nhu cầu phát triển kinh tế - xã hội của các cấp, các ngành, các tổ chức có liên quan đến nhu cầu sử dụng đất trên địa bàn huyện.

Thực hiện Luật Đất đai và thực hiện nhiệm vụ của UBND huyện giao Phòng Tài nguyên và Môi trường đã phối hợp với Phân viện Quy hoạch và Thiết kế Nông nghiệp miền Trung lập Kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Hải làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện Ninh Hải trong năm 2024 theo đúng quy định pháp luật.

1. Mục đích, yêu cầu lập kế hoạch sử dụng đất

1.1. Mục đích

- Cụ thể hóa nhu cầu sử dụng đất các dự án, công trình thực hiện trong năm kế hoạch 2024 trên địa bàn huyện của các ngành TW, tỉnh, của huyện và các xã, thị trấn. Góp phần quản lý chặt chẽ tài nguyên đất đai theo quy hoạch, kế hoạch và pháp luật; đảm bảo sử dụng đất đúng mục đích, tiết kiệm, hiệu quả; bảo vệ môi trường sinh thái, ứng phó có hiệu quả với biến đổi khí hậu, đảm bảo phát triển bền vững.

- Rà soát các dự án cần thiết mà phải điều chỉnh về quy mô, địa điểm và số lượng dự án nhưng không làm thay đổi về chỉ tiêu sử dụng đất theo loại đất và khu vực sử dụng đất theo chức năng trong quy hoạch sử dụng đất huyện Ninh Hải đến năm 2030 để báo cáo Sở Tài nguyên và Môi trường, đề nghị Sở Tài nguyên Môi trường trình UBND tỉnh xem xét, quyết định cập nhật vào kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Hải.

- Làm căn cứ giao đất, cho thuê đất, thu hồi đất, chuyển mục đích sử dụng đất và đấu giá quyền sử dụng đất phục vụ phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

1.2. Yêu cầu

- Điều tra, tổng hợp, cập nhật đầy đủ các công trình, dự án của các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân có nhu cầu sử dụng đất năm 2024 trên địa bàn huyện.

- Xác định vị trí, ranh giới, diện tích các khu vực dự kiến chuyển mục đích sử dụng đất; khu vực dự kiến nhà nước thu hồi đất trên bản đồ kế hoạch sử dụng đất năm 2024 của huyện.

2. Những căn cứ pháp lý để lập kế hoạch sử dụng đất

- Luật Đất đai, ngày 29 tháng 11 năm 2013.

- Luật Quy hoạch, ngày 24 tháng 11 năm 2017;

- Luật Thủy lợi, ngày 19 tháng 6 năm 2017
- Luật Lâm nghiệp; ngày 15 tháng 11 năm 2017
- Luật Trồng trọt, ngày 19 tháng 11 năm 2018
- Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của 37 luật có liên quan đến quy hoạch, ngày 20 tháng 11 năm 2018
- Nghị quyết số 751/2019/UBTVQH14 ngày 16 tháng 8 năm 2019 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội giải thích một số điều của Luật Quy hoạch.
- Chỉ thị số 30/CT-TTg ngày 27 tháng 7 năm 2020 của Thủ tướng Chính phủ về các nhiệm vụ, giải pháp triển khai lập đồng thời các quy hoạch thời kỳ 2021 - 2030, tầm nhìn đến năm 2050
- Nghị định số 43/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính Phủ quy định chi tiết một số điều, khoản của Luật Đất đai
- Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014, về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất;
- Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015 của về quản lý, sử dụng đất trồng lúa;
- Nghị định số 01/NĐ-CP ngày 6/1/2017 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai
- Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp;
- Nghị định số 37/2019/NĐ-CP ngày 07/5/2019, quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quy hoạch;
- Nghị định số 62/2019/NĐ-CP ngày 11/7/2019, sửa đổi, bổ sung một số điều Nghị định số 35/2015/NĐ-CP ngày 13/4/2015;
- Nghị định số 06/2020/NĐ-CP ngày 03/01/2020 sửa đổi, bổ sung điều 17 của Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ;
- Nghị định số 83/2020/NĐ-CP ngày 15/7/2020 sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 156/2018/NĐ-CP ngày 16/11/2018 của Chính Phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Lâm nghiệp.
- Nghị định số 148/NĐ-CP ngày 18/12/2020 của Chính Phủ Sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành Luật Đất đai
- Thông tư số 02/2015/TT-BTNMT ngày 27/01/2015 của Bộ Tài nguyên và Môi trường quy định chi tiết một số điều của Nghị định số 43/2014/NĐ-CP và Nghị định số 44/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 của Chính phủ.
- Thông tư số 01/2021/TT-BTNMT ngày 12/4/2021 của Bộ Tài nguyên và Môi trường Quy định kỹ thuật việc lập, điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất.
- Thông tư số 09/2021/TT-BTNMT ngày 30/6/2021, sửa đổi, bổ sung một số điều của các thông tư quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành Luật

Đất đai;

- Nghị quyết số 58/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Nghị quyết số 59/NQ-HĐND ngày 09/12/2022 của Hội đồng nhân dân tỉnh phê duyệt Danh mục các dự án chuyển mục đích đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Nghị quyết số 28/NQ-HĐND ngày 27/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Điều chỉnh, bổ sung, loại bỏ khỏi Danh mục các dự án phải thu hồi đất năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Nghị quyết số 29/NQ-HĐND ngày 27/7/2023 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bổ sung, điều chỉnh Danh mục các dự án chuyển mục đích sử dụng đất trồng lúa năm 2023 trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 371/QĐ-UBND ngày 28/6/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 huyện Ninh Hải.

- Quyết định số 297/QĐ-UBND ngày 24/5/2022 của UBND tỉnh Ninh Thuận Về việc phân bổ chỉ tiêu quy hoạch sử dụng đất tỉnh thời kỳ 2021-2030, kế hoạch sử dụng đất tỉnh 5 năm (2021-2025) cho các huyện, thành phố;

- Quyết định số 24/2023/QĐ-UBND ngày 07/4/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận Ban hành Quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận.

- Quyết định số 215/QĐ-UBND ngày 10/5/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Hải.

- Quyết định số 555/QĐ-UBND ngày 03/10/2023 của UBND tỉnh Ninh Thuận về việc phê duyệt cập nhật, bổ sung công trình, dự án vào kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Hải.

- Quyết định số 1336/QĐ-UBND ngày 07/8/2023 của UBND huyện Ninh Hải về việc phê duyệt Đề cương và dự toán: Lập kế hoạch sử dụng đất năm 2024 huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận;

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Ninh Hải lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020- 2025.

- Các văn bản liên quan đến đăng ký nhu cầu sử dụng đất năm 2024 của các ngành trên địa bàn huyện Ninh Hải.

3. Các tài liệu chuyên môn lập kế hoạch sử dụng đất

- Kế hoạch sử dụng đất 5 năm 2021-2025 của tỉnh Ninh Thuận;

- Quy hoạch sử dụng đất đến năm 2030 của huyện Ninh Hải.

- Kế hoạch sử dụng đất năm 2023 huyện Ninh Hải.

- Kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 và thống kê đất đai các năm 2020, 2021, 2022, 2023 các xã, thị trấn trên địa bàn huyện Ninh Hải.
- Niên giám thống kê huyện Ninh Hải từ năm 2015 - 2023.
- Báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế xã hội năm 2023 và phương hướng nhiệm vụ năm 2024 của huyện Ninh Hải;
- Các tài liệu khác có liên quan.

I. KHÁI QUÁT VỀ ĐIỀU KIỆN TỰ NHIÊN, KINH TẾ, XÃ HỘI

1.1. Điều kiện tự nhiên

1.1.1. Vị trí địa lý

Huyện Ninh Hải nằm phía Đông Bắc tỉnh Ninh Thuận, trung tâm huyện cách trung tâm thành phố Phan Rang - Tháp Chàm khoảng 8 km, ranh giới hành chính huyện tiếp giáp với các địa phương như sau:

- Phía Đông và phía Nam giáp Biển Đông.
- Phía Tây giáp huyện Bác Ái và huyện Thuận Bắc.
- Phía Tây Nam giáp thành phố Phan Rang - Tháp Chàm.
- Phía Bắc giáp huyện Thuận Bắc.

Ninh Hải là cửa ngõ phía Đông Bắc của thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, thuận lợi về giao thông: tuyến Quốc lộ 1, ĐT.702, ĐT.704, ĐT.705 nối liền với các huyện Thuận Bắc, Bác Ái; ngoài ra Ninh Hải còn có 58 km chiều dài bờ biển với vịnh Vĩnh Hy và nhiều vũng, bãi biển đẹp; có cảng cá, khu sản xuất muối công nghiệp, khu bảo tồn Vườn quốc gia Núi Chúa. Vì vậy Ninh Hải có vị trí quan trọng trong phát triển kinh tế, bảo vệ môi trường và quốc phòng an ninh đối với tỉnh Ninh Thuận.

1.1.2. Địa hình

Huyện Ninh Hải có địa hình thấp dần từ Bắc xuống Nam và từ Tây sang Đông. Địa hình có dạng chuyển tiếp của địa hình trung du và miền núi, chia thành 3 dạng địa hình chính sau:

- Địa hình núi cao: Bao gồm các núi đá granite, đaxit, sa phiến thạch nhô cao, thường rất dốc và có độ dày tầng đất mỏng, ít có khả năng sử dụng vào sản xuất nông nghiệp. Dạng địa hình này có diện tích 10.544 ha, chiếm 41,54% tổng diện tích toàn huyện, độ cao từ 200 m đến 1.000 m (cao nhất là đỉnh Núi Chúa 1.040 m), phân bố tập trung ở xã Vĩnh Hải.

- Địa hình gò đồi ven biển: Tập trung ở phía Đông và phía Nam của huyện, gồm các xã: Thanh Hải, Nhơn Hải, Tri Hải. Diện tích 10.731 ha chiếm 42,28% tổng diện tích toàn huyện, chủ yếu là đất cát đến pha cát, độ cao dưới 200 m, tạo thành một dãy dài và hẹp chạy dọc ven biển.

- Địa hình đồng bằng: có độ cao từ 10 m đến 30 m, địa hình tương đối bằng phẳng, hướng dốc từ Tây Bắc xuống Đông Nam và dốc dần ra biển. Gồm các xã Tân Hải, Xuân Hải, Hộ Hải, Phương Hải và một phần thị trấn

Khánh Hải. Dạng địa hình này có diện tích 4.107 ha, chiếm 16,18% tổng diện tích toàn huyện. Các loại đất chính là đất phù sa, đất xám, đất mặn, đất cát; tầng đất dày 50 - 100 cm. Đây là vùng sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản của huyện.

Nhìn chung địa hình huyện Ninh Hải tương đối thuận lợi cho việc phát triển kinh tế tổng hợp Nông - Lâm - Ngư nghiệp, Công nghiệp, Du lịch.

1.1.3. Khí hậu

Huyện Ninh Hải nằm trong vùng khí hậu nhiệt đới gió mùa điển hình, với các đặc trưng là khô nóng, gió nhiều, lượng bốc hơi lớn.

- Nhiệt độ không khí trung bình năm 27,2⁰C. Tổng nhiệt năm 9.861,6⁰C. Nhiệt độ cao rất thuận lợi cho phát triển nghề sản xuất muối; nhưng với cây trồng phải được tưới nước và bố trí sử dụng đất phải chú ý đến những cây trồng chịu hạn cho các vùng đất không được tưới.

- Độ ẩm không khí trung bình năm 75,7%, độ ẩm cao nhất: 79,8% (mùa mưa, tháng 10), độ ẩm thấp nhất: 70,8% (mùa khô, tháng 1).

- Bốc hơi nước rất lớn, trung bình nhiều năm 1.827 mm.

- Lượng mưa bình quân nhiều năm là 1.135,3 mm, số ngày mưa khoảng 69,5 ngày, từ tháng 9 đến tháng 11.

- Lũ lụt: Nhìn chung địa bàn huyện Ninh Hải ít xảy ra lũ lụt. Tuy nhiên các năm 2000 và năm 2010 đã xảy ra 2 trận lũ lụt lớn, gây ra những thiệt hại to lớn về sản xuất và đời sống cho nhân dân.

- Chế độ gió, bão: tốc độ gió trung bình 2,3 m/s; hướng gió chính thường xuất hiện trong nhiều tháng là Tây Bắc và Đông Nam. Bão ít xuất hiện, khoảng 5 năm xuất hiện bão 1 lần với cường độ không lớn.

Nhìn chung trên địa bàn huyện Ninh Hải có nền nhiệt độ cao quanh năm và ít biến động, hầu như không có mùa đông lạnh (trừ vùng núi cao trên 1.000 m). Đây là điều kiện thuận lợi cho cây trồng phát triển nhanh và là điều kiện để tăng vụ, phát triển chăn nuôi gia súc như Bò, Dê, Cừu, sản xuất muối. Tuy nhiên nhiệt độ cao, lượng mưa thấp, lượng bốc hơi cao cũng ảnh hưởng đến sức khỏe con người và gia súc, thường gây hạn hán cho cây trồng và dễ gây cháy rừng. Vì vậy cần chú ý các biện pháp chống nóng và chống nắng cho người và gia súc; trồng rừng, cây lâu năm phủ xanh đất trống đồi trọc, bảo vệ diện tích rừng hiện có, xây hồ chứa nước để mở rộng diện tích được tưới, điều hòa khí hậu.

Khí hậu khô nóng, số ngày nắng cao, gió lớn là điều kiện rất thuận lợi để xây dựng các công trình năng lượng tái tạo; đồng thời khu vực Ninh Hải nước biển có độ mặn cao rất thuận lợi cho sản xuất muối công nghiệp.

1.1.4. Thủy văn

- Hệ thống sông ngòi, suối: phần lớn các suối có lưu vực nhỏ, hẹp và ngắn, vùng đầu nguồn chủ yếu là rừng thưa, rừng nghèo nên mùa khô thường

không có nước. Một số suối có lưu vực tương đối lớn đã xây dựng các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất và sinh hoạt, cụ thể như sau:

+ Suối Đồng Nha: bắt nguồn từ sườn phía Tây Nam núi Chúa thuộc địa bàn xã Bắc Sơn huyện Thuận Bắc, suối chảy theo hướng Đông Bắc – Tây Nam chảy qua địa bàn xã Tri Hải xuống Đầm Nại, diện tích lưu vực 58 km², chiều dài suối 15 km. Trên suối này đã xây dựng đập dâng Cây Sung và đập dâng Tà Lốc.

+ Suối Ông Kinh: bắt nguồn từ sườn phía Đông Nam núi Chúa chảy theo hướng Bắc – Nam qua địa bàn xã Nhơn Hải ra Biển Đông, diện tích lưu vực 8,5 km², chiều dài suối 7,5 km. Trên suối này đã xây dựng hồ chứa nước Ông Kinh, diện tích tưới thiết kế 120 ha.

+ Suối Nước Ngọt: bắt nguồn từ sườn phía Đông Bắc núi Chúa chảy theo hướng Đông – Tây trên địa bàn xã Vĩnh Hải ra biển Đông, diện tích lưu vực 35,5 km², chiều dài suối 7 km. Trên suối này đã xây dựng hồ Nước Ngọt và các đập dâng như: đập Đá Hang, đập Am Dú, đập Nước Ngọt, đập Thái An để tưới cho cây ăn quả và hoa màu.

- Đặc điểm thủy văn: Dòng chảy năm của các sông suối trên địa bàn huyện có sự phân bố không đều theo các mùa trong năm, tập trung chủ yếu vào mùa mưa.

- Thủy triều: Thủy triều Ninh Hải vừa có nhật triều, vừa có bán nhật triều. Biển Ninh Hải có thủy triều thấp, biên độ giao động từ 1,88- 2,2m (trong khi đó biển Nha Trang 2,4m, biển Vũng Tàu 4,2m), do đó thủy triều Ninh Hải không gây ảnh hưởng cho sản xuất nông nghiệp mà có điều kiện thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản và làm muối ven đầm Nại.

1.1.5. Các nguồn tài nguyên

a) Tài nguyên đất

Căn cứ tài liệu điều tra, bổ sung phân loại đất năm 2004 tỉnh Ninh Thuận do Phân viện QH & TKNN Miền nam - Viện QH & TK Nông nghiệp thực hiện và kết quả thống kê đất đai năm 2022; kết quả điều chỉnh lại như sau: Tổng DTTN toàn huyện có 25.358,09 ha, trên bản đồ tỷ lệ 1/50.000 được chia thành 8 nhóm đất với 15 đơn vị đất như sau:

Biểu 01: Tổng hợp diện tích các nhóm đất, loại đất trên địa bàn huyện

STT	TÊN ĐẤT	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
I	Nhóm bãi cát, cồn cát và đất cát biển	C	1.775,50	7,00
1	Cồn cát trắng	Cc	1.247,21	
2	Cồn cát vàng	Cv	528,29	
II	Nhóm đất mặn	M	2.761,56	10,89

STT	TÊN ĐẤT	Ký hiệu	Diện tích (ha)	Tỷ lệ (%)
3	Đất mặn ít	Mi	562,73	
4	Đất mặn nhiều	Mn	2.104,54	
5	Đất mặn ít và trung bình	M	94,29	
III	Nhóm đất phù sa	P	2.379,62	9,38
6	Đất phù sa không được bồi trung tính	Pe	225,17	
7	Đất phù sa gley	Pg	1.520,36	
8	Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng	Pf	618,06	
9	Đất phù sa ngòi suối	Py	16,03	
IV	Nhóm đất xám	X	659,69	2,60
10	Đất xám gley	Xg	659,69	
V	Nhóm đất đỏ và xám vùng bán khô hạn	Dk, Xk	5.179,53	20,43
11	Đất đỏ vùng bán khô hạn	Dk	71,26	
12	Đất xám vùng bán khô hạn	Xk	5.108,27	
VI	Nhóm đất đỏ vàng	F	10.448,98	41,21
13	Đất đỏ vàng trên đá Macma a xít	Fa	10.448,98	
VII	Nhóm đất thung lũng dốc tụ	D	114,24	0,45
14	Đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ	D	114,24	
VIII	Nhóm đất xói mòn trơ sỏi đá	E	1.203,14	4,74
15	Đất xói mòn trơ sỏi đá	E	1.203,14	
	Sông suối		835,83	3,30
	Tổng diện tích tự nhiên	Σ	25.358,09	100,00

Nguồn: Phân viện QH & TKNN Miền nam - Viện QH & TK Nông nghiệp.

*** Đất cồn cát (C)**

- Diện tích 1.775,5 ha, chiếm 7,00% tổng diện tích tự nhiên.

- Phân bố ở các xã Vĩnh Hải, Thanh Hải và Nhơn Hải.

- Điều kiện hình thành và tính chất: đất được hình thành từ trầm tích biển và có thành phần cơ giới thô hơn hoặc bằng cát pha thịt, thành phần cơ giới nhẹ, khả năng thấm thoát nước tốt, độ chua thấp, bão hòa bazơ khá cao

và không hoặc rất ít chứa độc tố; một số tính chất nông học như hàm lượng mùn, đạm, lân, kali trong đất cát ở mức trung bình.

- Phân loại: được phân thành 2 đơn vị phân loại đất sau: (1) Đất còn cát trắng (Cc): Diện tích 1.247,21 ha; (2) Đất còn cát vàng (Cv): Diện tích 528,29 ha, phân bố ở Vĩnh Hải, Nhơn Hải.

- Hiện trạng và khả năng sử dụng: Hiện nay nhân dân chủ yếu là phát triển sản xuất nông nghiệp trên đất còn cát trắng; vùng thấp trồng lúa, hành, tỏi, rau màu; dùng nước giếng tưới hoặc canh tác vụ mưa. Một số vùng đất cát ven biển đang được nhân dân khai thác nuôi tôm giống, tôm sú; làm vật liệu xây dựng. Hướng sử dụng lâu dài là phát triển trồng lúa, rau, màu, hành tỏi, nuôi tôm kết hợp trồng rừng chắn gió và cát bay.

* Nhóm đất mặn (M)

- Diện tích 2.761,56 ha, chiếm 10,89% diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Phân bố trên các dạng địa hình thấp trũng ven biển và các cửa sông, suối gần biển. Tập trung ở các xã Nhơn Hải, Tri Hải, Phương Hải, Hộ Hải, Tân Hải và thị trấn Khánh Hải.

- Điều kiện hình thành và tính chất: đất được hình thành từ trầm tích trẻ, tuổi Holocene trung, có nguồn gốc biển, sông- biển hoặc biển- đầm; thành phần cơ giới nhẹ, chủ yếu là cát mịn, cát thô; kết cấu rời rạc; có biểu hiện gia tăng hàm lượng sét ở các tầng sâu. Hàm lượng đạm, lân tổng số dao động từ nghèo đến trung bình; kali tổng số từ nghèo đến khá.

- Phân loại: được phân thành 3 đơn vị phân loại đất sau: (1) Đất mặn ít (Mi) 562,73 ha, phân bố ở các xã Phương Hải, Hộ Hải, Tân Hải và thị trấn Khánh Hải; (2) Đất mặn ít và trung bình (M) 94,29 ha, phân bố ở thị trấn Khánh Hải; (3) Đất mặn nhiều (Mn): Diện tích 2.104,54 ha, phân bố ở các xã Nhơn Hải, Tri Hải, Phương Hải, Hộ Hải, Tân Hải và thị trấn Khánh Hải.

- Hiện trạng và khả năng sử dụng: Diện tích đất mặn của huyện đã được sử dụng gần hết. Đất mặn nhiều đang được khai thác nuôi trồng thủy sản, làm muối. Đất mặn trung bình và ít hiện trồng rau màu, những nơi có điều kiện tưới tiêu đã đưa vào trồng lúa 2 vụ. Trong quá trình sử dụng các loại đất trên, để tránh mặn hóa cần có biện pháp để ngăn mặn, tách biệt giữa vùng nuôi trồng thủy sản, làm muối và vùng trồng cây lương thực để tránh mặn thâm nhập sâu vào đồng ruộng như ở xã Hộ Hải, Tân Hải, Phương Hải. Đồng thời phải có biện pháp thủy lợi tích cực rửa mặn cho vùng trồng lúa.

* Nhóm đất phù sa (P)

- Diện tích 2.379,62 ha, chiếm 9,38% tổng diện tích toàn huyện.

- Phân bố dọc theo các triền suối, tập trung chủ yếu ở các xã Phương Hải, Tân Hải, Hộ Hải, Xuân Hải và Tri Hải.

- Điều kiện hình thành và tính chất: Đất phù sa được hình thành từ trầm tích có nguồn gốc sông, suối; thành phần trầm tích chủ yếu là cấp hạt

mịn và trung bình. Nhóm đất phù sa có hàm lượng chất hữu cơ cao, thành phần cơ giới từ sét pha thịt đến sét, một số nơi có thành phần cơ giới nhẹ hơn, có khả năng trồng lúa nước và các loại cây hoa màu.

- Phân loại: được phân thành 4 đơn vị phân loại đất sau: (1) Đất phù sa được bồi trung tính (Pe), diện tích 225,17 ha, phân bố ở xã Hộ Hải và Tân Hải ; (2) Đất phù sa Gley (Pg), diện tích 1.520,36 ha, phân bố ở các xã Phương Hải, Tân Hải, Hộ Hải, Xuân Hải và Tri Hải ; (3) Đất phù sa có tầng loang lổ đỏ vàng (Pf), diện tích 618,06 ha, phân bố ở xã Phương Hải và Tri Hải ; (4) Đất phù sa ngòi suối (Py), diện tích 16,03 ha, phân bố ở xã Vĩnh Hải.

- Hiện trạng và khả năng sử dụng: hiện nay đang sử dụng rất đa dạng từ trồng lúa 2 vụ, cây hoa màu, cây ăn quả lâu năm cho năng suất và hiệu quả kinh tế cao.

* Nhóm đất xám (X)

- Diện tích 659,69 ha, chiếm 2,6% tổng diện tích tự nhiên của huyện.

- Phân bố: tập trung ở xã Xuân Hải và Hộ Hải.

- Điều kiện hình thành và tính chất: Đất xám được hình thành trên các loại mẫu chất có nguồn gốc khác nhau: phù sa cổ, các sườn tích hoặc lũy tích từ granit hoặc bề mặt tích tụ của các đá trầm tích có thành phần hạt thô. Đất có thành phần cơ giới thịt trung bình đến nhẹ, có phản ứng chua, hàm lượng dinh dưỡng thấp.

- Phân loại: 1 đơn vị phân loại đất (đất xám glây).

- Khả năng sử dụng: Phần lớn đất xám có thành phần cơ giới thịt nhẹ, tầng đất dày, phân bố ở địa hình cao, độ dốc nhỏ thích hợp với nhiều loại cây trồng. Do vậy các loại hình sử dụng trên nhóm đất này khá phong phú bao gồm cây công nghiệp lâu năm, cây hoa màu và cây lương thực.

* Nhóm đất đỏ và xám nâu vùng bán khô hạn (Dk, Xk)

- Diện tích 5.179,53 ha, chiếm 20,43% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

- Phân bố: ở vùng đồi núi và các bậc thềm phù sa cổ, có ở các xã Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải, Tri Hải, Xuân Hải và thị trấn Khánh Hải.

- Điều kiện hình thành và tính chất: Đất xám nâu vùng bán khô hạn ở Ninh Hải được hình thành trên nhiều loại đá mẹ mẫu chất khác nhau như phù sa cổ, các sườn tích hoặc lũy tích từ granit, các thành tạo xâm nhập mácma axit, hoặc trên các đá trầm tích có thành phần hạt thô; phân bố trên các bề mặt bóc mòn san phẳng trong điều kiện khí hậu bán khô hạn với lớp phủ thực vật nghèo nàn. Đất xám nâu vùng bán khô hạn thường có thành phần cơ giới thịt nhẹ đến thịt trung bình; đất chua nhẹ đến ít chua. Tuy nhiên, các yếu tố dinh dưỡng cho cây trồng như mùn, đạm và thậm chí cả lân và kali thường chỉ đạt mức trung bình đến nghèo.

- Phân loại: được chia ra 2 đơn vị phân loại đất sau: (1) Đất đỏ vùng bán khô hạn, diện tích 71,26 ha, có ở xã Xuân Hải ; (2) Đất xám vùng bán khô hạn, diện tích 5.108,27 ha, có ở các xã Vĩnh Hải, Thanh Hải, Nhơn Hải, Tri Hải, Xuân Hải và thị trấn Khánh Hải.

- Hiện trạng và khả năng sử dụng: Nhìn chung nhóm đất có độ phì kém lại phân bố ở vùng khí hậu khô hạn, tầng đất thay đổi lớn, trong đất có nhiều sỏi sạn và đá lẫn nên mức độ thích nghi với cây trồng thấp. Hiện nay ở một số nơi có điều kiện tưới tiêu thuận lợi đã được đưa vào trồng cây hoa màu. Phần lớn diện tích là cây bụi, cây gỗ rải rác có thể khai thác trồng điều, cây ăn quả, trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên.

* Nhóm đất đỏ vàng (F)

- Diện tích 10.448,98 ha, chiếm 41,21% tổng diện tích toàn huyện.

- Phân bố ở vùng đồi núi và các bậc thềm phù sa cổ, tập trung ở xã Vĩnh Hải và Nhơn Hải.

- Điều kiện hình thành và tính chất: hình thành trên các loại đá trầm tích hay mác ma có thành phần khác nhau hoặc trên các mẫu chất cổ, phân bố trong điều kiện khí hậu nhiệt đới ẩm, có quá trình phá hủy khoáng sét, rửa trôi và tích tụ sét, sắt, nhôm chiếm ưu thế, tạo cho đất có các tông màu đỏ-vàng. Đất có thành phần cơ giới trung bình, phản ứng đất chua nhẹ đến ít chua, các yếu tố dinh dưỡng cho cây trồng như mùn, đạm, lân và kali đều ở mức khá giàu.

- Phân loại: có 1 đơn vị phân loại (đất đỏ vàng trên đá Macma axít).

- Hiện trạng và khả năng sử dụng: Hiện nay diện tích đất đỏ vàng trên đá Macma axít được khai thác đưa vào sử dụng trồng màu và trồng rừng với diện tích nhỏ; phần lớn vẫn là đất hoang cây lùm bụi có thể khai thác trồng cây lâu năm, trồng rừng và khoanh nuôi tái sinh rừng tự nhiên.

* Nhóm đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ (D)

- Diện tích 114,24 ha, chiếm 0,45 % tổng diện tích toàn huyện.

- Phân bố rải rác, dưới dạng những dải hẹp ven hợp thủy và thung lũng vùng đồi núi, có ở xã Vĩnh Hải.

- Phân loại: có 1 đơn vị phân loại (đất thung lũng do sản phẩm dốc tụ).

- Điều kiện hình thành và tính chất: hình thành ở địa hình thung lũng, trên các sản phẩm bồi tụ từ các khu vực lân cận có địa hình cao hơn. Đất có thành phần cơ giới nhẹ; mùn và đạm tổng số khá giàu; lân, kali tổng số nghèo.

- Hiện trạng và khả năng sử dụng: Hầu hết diện tích đất dốc tụ trong huyện hiện tại là ruộng 1 vụ lúa, ít diện tích là các cây hoa màu lương thực. Nhìn chung đất dốc tụ có độ phì khá, ít chua, lại phân bố ở vị trí địa hình thấp bằng, vì vậy chúng khá thích hợp cho bố trí chuyên canh lúa nước, chuyên canh cây trồng cạn hàng năm hoặc luân canh lúa nước với cây trồng hàng năm.

* Đất xói mòn trơ sỏi đá (E)

- Diện tích 1.203,14 ha, chiếm 4,74 % tổng diện tích toàn huyện.
- Phân bố trên những khối núi cao dốc, tập trung ở các xã Vĩnh Hải, Thanh Hải, Tri Hải và Hộ Hải.
- Phân loại: có 1 đơn vị phân loại đất.
- Khả năng sử dụng: Toàn bộ đất xói mòn trơ sỏi đá có tầng mỏng và hầu hết ở địa hình núi cao dốc vì vậy ít có ý nghĩa cho sử dụng nông nghiệp. Đề nghị, ngoài những khu vực khai thác đá, phần còn lại nên trồng tu bổ và bảo vệ thảm thực vật tự nhiên để bảo vệ môi trường.

b) Tài nguyên nước

- Nước mặt: Nguồn nước mặt chủ yếu có từ kênh Bắc thuộc hệ thống Nha Trinh - Lâm Cẩm và các suối Đồng Nha, hồ Ông Kinh, suối Nước Ngọt. Do đặc điểm các sông, suối ngắn, dốc, lượng mưa lại tập trung chủ yếu vào các tháng mùa mưa (*chiếm tới 70-80% lượng mưa cả năm*) và có ít hồ chứa nên mùa khô thường bị thiếu nước tưới cho cây trồng. Do ảnh hưởng của biến đổi khí hậu nên những năm qua huyện Ninh Hải bị hạn nặng, lượng mưa thấp, số ngày có mưa ít làm cho nguồn nước mặt giảm nhiều so với mấy năm trước. Ngoài ra diện tích rừng đầu nguồn chủ yếu là rừng nghèo, khả năng giữ nước kém nên mùa khô khả năng cung cấp nước cho sản xuất và sinh hoạt gặp nhiều khó khăn. Do vậy, khi khai thác nguồn nước mặt phải chú ý điều hoà giữa các vùng và sử dụng nước một cách tiết kiệm. Trong xây dựng và quản lý khai thác, chú ý liên kết các loại công trình hồ chứa, đập dâng, trạm bơm để tận dụng tối đa nguồn nước tự nhiên; Chuyển đổi cơ cấu cây trồng hợp lý theo hướng hạn chế gieo trồng lúa nước trong vụ Hè Thu, ưu tiên phát triển các loại cây trồng cạn có nhu cầu sử dụng nước thấp như bắp, đậu

- Nước ngầm: Qua quan sát các giếng đào tại các xã trong huyện cho thấy độ sâu dao động từ 6 - 18 m tùy theo từng điểm dân cư. Mặt khác do những hạn chế về kinh tế và kỹ thuật nên việc khai thác ở quy mô lớn để phục vụ cho sản xuất nông nghiệp còn hạn chế. Hiện nay các xã ven biển đã khai thác nước ngầm (*đào giếng + dùng bơm điện*) để tưới cho 200 ha đất canh tác (*chủ yếu là đất trồng rau, hành, tỏi,...*). Do mức độ nông sâu nên chất lượng nước biến đổi khác nhau. Vùng ven biển nguồn nước ngầm ít và bị nhiễm mặn nên thiếu nước cho sản xuất và sinh hoạt cho các xã ven biển.

c) Tài nguyên rừng

Trên cơ sở kết quả kiểm kê rừng năm 2016 của tỉnh Ninh Thuận và kết quả kiểm kê đất đai năm 2019 của huyện Ninh Hải cho thấy tổng diện tích có rừng trên địa bàn huyện Ninh Hải là 10.123,86 ha, trong đó:

- Diện tích trong quy hoạch 3 loại rừng 9.514,73 ha. Chia theo nguồn gốc: Rừng tự nhiên 9.440,72 ha; Rừng trồng 65,01 ha. Chia theo mục đích sử dụng: Rừng Đặc dụng 9.177,4 ha; Rừng phòng hộ 33733 ha.

- Diện tích ngoài quy hoạch 3 loại rừng 609,13 ha.

Nhìn chung tài nguyên rừng của huyện Ninh Hải khá phong phú về chủng loại, vừa có giá trị về kinh tế và bảo tồn đa dạng sinh học, môi trường, vừa góp phần làm đẹp cảnh quan; đặc biệt là Vườn quốc gia Núi Chúa có vai trò quan trọng trong phát triển kinh tế nói chung và du lịch nói riêng.

d) Tài nguyên biển

Bờ biển Ninh Hải dài 58 km, chạy theo hướng Bắc -> Nam, địa hình ít gò ghề khúc khuỷu, các dãy núi lan ra sát biển tạo thành các vũng, đầm như: Vĩnh Hy, Đầm Nại,... rất thuận lợi cho nuôi trồng thủy sản. Thềm biển tương đối sâu, nước biển có độ mặn cao thuận lợi cho sản xuất muối đạt năng suất cao. Ngư trường rộng lớn, nguồn lợi hải sản phong phú; nhiều bãi, rạn san hô sống là nơi cư trú sinh sản của các loài hải sản quý hiếm có thể khoanh nuôi, bảo tồn. Sản lượng khai thác hàng năm 9.000 - 10.000 tấn.

Khai thác hải sản và nuôi trồng thủy sản là một trong những thế mạnh của huyện Ninh Hải và trong tương lai công nghiệp chế biến hải sản là một trong những ngành mũi nhọn của huyện.

Với địa thế đầm, vịnh, ngoài ý nghĩa về phát triển nuôi trồng thủy sản, còn tạo nên những cảnh quan sinh thái phong phú, đa dạng là tiềm năng rất lớn cho du lịch biển, du lịch nghỉ dưỡng và du lịch sinh thái.

e) Tài nguyên khoáng sản

Theo báo cáo về tài nguyên khoáng sản tỉnh Ninh Thuận, trên địa bàn huyện có các loại sau: San hô: phân bố từ Tri Hải kéo xuống Thanh Hải dài khoảng 10 km, tập trung chủ yếu ở Nhơn Hải, dày 1- 6 m, trữ lượng khoảng 4,5 triệu tấn; Đá khối Granit ở: Mỹ Hòa (25 triệu m³), Thái An (100 triệu m³), Vĩnh Hy (75 triệu m³), núi Quýt (200 triệu m³), núi Cà Đú (450 triệu m³); Sét gạch ngói: ở Xuân Hải; Muối khoáng: ở đầm Vua.

Hiện nay chủ yếu là phát triển công nghiệp khai thác mỏ (đá, muối khoáng và cát), làm vật liệu xây dựng, sản xuất muối công nghiệp.

1.2. Khái quát về điều kiện kinh tế, xã hội

1.2.1. Tăng trưởng kinh tế và chuyển dịch cơ cấu kinh tế

- Tăng trưởng kinh tế giai đoạn 2016-2020: Tổng giá trị sản xuất năm 2020 là 9.813 tỷ đồng; So với năm 2015 tăng 1,86 lần. Tốc độ tăng giá trị sản xuất bình quân từ 2016-2020 là 13,3%/năm.

- Tăng trưởng kinh tế từ năm 2021 đến năm 2023: tốc độ tăng trưởng giá trị sản xuất (giá so sánh 2010) năm 2021 so với năm 2020 đạt 12,1%; năm 2022 so với năm 2021 đạt 14%.

- Cơ cấu kinh tế chuyển biến theo hướng khá tích cực, năm 2022 tỷ trọng ngành công nghiệp và xây dựng chiếm 42,21%, Nông lâm nghiệp và thủy sản 29,16%, thương mại và dịch vụ 28,63%; so với cùng kỳ năm 2021, tỷ trọng Công nghiệp và xây dựng giảm 4,37%, Nông lâm nghiệp và thủy sản

giảm 0,13%, Thương Mại và dịch vụ tăng 4,49%.

Năm 2023, nhìn chung các ngành kinh tế có thể mạnh của huyện đều đạt sản lượng tăng so với cùng kỳ năm 2022, cụ thể: Sản lượng nuôi trồng thủy sản tăng 162 tấn; Sản lượng tôm giống tăng 1.194 triệu post; Sản lượng khai thác hải sản tăng 3.276 tấn; Sản lượng muối tăng 28.070 tấn.

Kết quả ước thực hiện các chỉ tiêu chủ yếu 9 tháng đầu năm 2023 của huyện Ninh Hải như sau:

1. Sản lượng lương thực: 31.272/36.500 tấn, đạt 85,7% kế hoạch năm, giảm 0,25% so với cùng kỳ
2. Sản lượng nuôi trồng thủy sản: 2.960/3.135 tấn, đạt 94,4% kế hoạch năm, tăng 5,78% so với cùng kỳ;
3. Sản lượng tôm giống: 18.114/22.000 triệu con, đạt 82% kế hoạch năm, tăng 7,05% so với cùng kỳ;
4. Sản lượng khai thác hải sản: 29.121 tấn/32.000 tấn, đạt 91% kế hoạch năm, tăng 4,59% so với cùng kỳ;
5. Sản lượng muối: 323.000/330.000 tấn đạt 97,9% kế hoạch năm, tăng 9,51% so với cùng kỳ, trong đó: muối công nghiệp 133.000 tấn, muối diêm dân 190.000 tấn;
6. Tổng thu ngân sách: 60/105,7 tỷ đồng, đạt 56,7% kế hoạch năm, giảm 51,6% so với cùng kỳ.
7. Lao động được giải quyết việc làm mới: 2.940/3.300 lao động, đạt 89,1% kế hoạch năm, giảm 0,37% so với cùng kỳ;
8. Tỷ lệ người dân tham gia Bảo hiểm y tế: 91,07%, đạt 99,1% kế hoạch năm;
9. Công tác giao quân 189/189 quân, đạt 100% chỉ tiêu

1.2.2. Thực trạng phát triển các ngành kinh tế

a) Khu vực kinh tế nông nghiệp

* **Trồng trọt:** Kết quả thực hiện 9 tháng đầu năm 2023 cho thấy sản xuất ngành trồng trọt tương đối ổn định so với năm 2022, cụ thể như sau:

- Sản lượng lương thực (cây lúa) 9 tháng đầu năm giảm nhẹ với cùng kỳ, cụ thể theo mùa vụ như sau:

+ Vụ Đông Xuân 2022 – 2023 xuống giống 2.259 ha; Sản lượng 16.897 tấn/36.500 tấn, năng suất bình quân đạt 74,8 tạ/ha; Giá bán bình quân 6.000 - 6.500 đồng/kg cao hơn 2.000 đồng so với cùng kỳ năm 2022.

+ Vụ Hè Thu xuống giống 2.211,5 ha, giảm 17,2 ha so với cùng kỳ. Hiện nay đã thu hoạch xong sản lượng 14.375 tấn, năng suất bình quân 65 tạ/ha (tăng 0,2 tạ/ha so với cùng kỳ). Giá lúa giao động từ 6.600 đồng – 7.300 đồng cao hơn 2.000 – 3.000 đồng so với cùng kỳ năm 2022.

+ Vụ Mùa dự kiến xuống giống 2.085,5 ha.

- Cây thực phẩm diện tích gieo trồng 1.932 ha thu hoạch 14.530 tấn, tăng 358 tấn so với cùng kỳ.

- Cây ăn trái diện tích duy trì ổn định, cụ thể diện tích, sản lượng các loại cây ăn trái như sau:

+ Cây nho: Diện tích 392 ha, giảm 20 ha so với cùng kỳ, nguyên nhân cây nho già cỗi chặt phá gốc chuyển sang trồng táo. Sản lượng thu hoạch đến nay 12.420 tấn/620 ha.

+ Cây táo 45 ha, tăng 20 ha so với cùng kỳ, sản lượng thu hoạch đến nay 1.800 tấn/45 ha, tăng 700 tấn so với cùng kỳ

- Chuyển đổi cây trồng đạt và vượt kế hoạch được giao. Vụ Đông Xuân năm 2022 - 2023 chuyển đổi được 21,55 ha/13 ha đạt 165,8 % KH. Vụ Hè Thu chuyển đổi 21 ha/10 ha đạt 210% kế hoạch.

- Công tác quản lý, điều tiết nước luân phiên, tưới tiết kiệm nhằm tận dụng hết nguồn nước đáp ứng nhu cầu nước phục vụ sinh hoạt, chăn nuôi và sản xuất. Mục nước các hồ đến tháng 9/2023 như sau: Hồ Thành Sơn 980.000 m³ /2.046.000 m³; Hồ Nước Ngọt là 595.000 m³ /1.800.000 m³; Hồ Ông Kinh mục nước chết.

* **Chăn nuôi:** Chăn nuôi gia súc, gia cầm trong 9 tháng đầu năm 2023 nhìn chung ổn định và phát triển, cụ thể như sau:

- Tổng đàn gia súc 43.370 con, trong đó: trâu 160 con, Bò 8.360 con, Dê 19.080 con, Cừu 12.740 con, Heo 3.030 con; giảm 3.540 con so với cùng kỳ (chủ yếu giảm đàn bò, dê, cừu do giá thương phẩm thấp nên bà con bán và không tái đàn),.

- Tổng đàn gia cầm 348.400 con, trong đó: Gà 180.540 con, Vịt 162.240 con (tăng 18.100 con so với cùng kỳ do tái đàn nuôi mới gà, vịt); Ngan 5.340 con; Ngỗng 280 con.

Tình hình dịch bệnh được kiểm soát, không có dịch bệnh nguy hiểm xảy ra như heo tai xanh, cúm gia cầm,... ô dịch cũ không phát sinh lây lan, công tác tiêm phòng cho gia súc, gia cầm được triển khai kịp thời. Đã sử dụng 1.005 lít hóa chất Benkocid để tiêu độc khử trùng môi trường phòng chống dịch bệnh.

* **Lâm nghiệp:** Phối hợp cùng Hạt kiểm lâm rừng đặc dụng Núi Chúa thực hiện tốt công tác quản lý và bảo vệ rừng, tổ chức tuần tra truy quét các đối tượng tàng trữ, vận chuyển và buôn bán lâm sản trái phép. Tổ chức tuần tra trên lâm phần Vườn Quốc gia Núi Chúa 3 đợt với 102 lượt người tham gia, phát hiện 8 vụ, xử lý phạt tiền 70.758.000 đồng. Tạm giữ 4 cây cảnh

* **Thủy sản:**

- Nuôi tôm giống: Toàn huyện có 295 công ty, cơ sở sản xuất giống thủy sản (247 công ty, 48 cơ sở); Sản lượng tôm giống: 18.114/22.000 triệu con, đạt 82% kế hoạch năm, tăng 7,05% so với cùng kỳ.

- Tổng diện tích nuôi trồng thủy sản 556,4 ha, tăng 12,2 ha so với cùng kỳ (tăng diện tích nuôi ốc hương, cá biển); Tổng sản lượng thu hoạch 2.960 tấn/3.135 tấn, đạt 91% KH (tăng 162 tấn so với cùng kỳ, chủ yếu sản lượng ốc hương, cá, cua ghe...), trong đó:

+ Tôm thương phẩm: Diện tích thả nuôi 380,7 ha, giảm 2 ha so với cùng kỳ. Tổng sản lượng thu hoạch 210,8 ha.

+ Ốc hương thương phẩm thả nuôi 64,6 ha, tăng 10,1 ha so với cùng kỳ. Sản lượng thu hoạch 880 tấn/44 ha, tăng 112,5 tấn so với cùng kỳ.

+ Cá biển nuôi trong ao 49,1 ha Thu tủa tổng sản lượng đến nay 251,1 tấn.

+ Cua, ghe, hàu trong ao 53,5 ha hình thức nuôi chủ yếu nuôi tủa, thả bù. Sản lượng thu hoạch 290,9 tấn.

+ Nuôi thủy sản lồng bè trên biển: Tổng số lượng lồng bè nuôi 19 bè. Nuôi tôm hùm, cá bè, cá chim vây vàng,... Tổng sản lượng đến nay 38 tấn; Khu C hiện còn 6 bè nuôi cố định, các bè nuôi khác di chuyển về các vùng tạm để nuôi.

+ Nuôi trồng các đối tượng khác: Trồng rong 8,5 ha, sản lượng thu hoạch 313 tấn; Nuôi hàu đầm Nại: Tổng số bè nuôi hàu 710 bè nuôi, sản lượng thu hoạch đến nay 250 tấn (hàu nhân).

- Khai thác hải sản: Năng lực tàu thuyền trên địa bàn huyện 842 chiếc /141.535 CV, từ đầu năm đến nay ngư trường thuận lợi cho việc khai thác cá hổ, cá cơm, cá nục và mực. Triển khai di dời lồng bè nuôi trồng thủy sản ra khỏi vịnh Vĩnh Hy.

* **Diêm nghiệp:** Tổng diện tích sản xuất muối diêm dân 652 ha, trong đó diện tích muối trái bạt 72 ha (tăng 12 ha so với cùng kỳ). Sản lượng thu hoạch 9 tháng ước đạt 190.000 tấn/175.000 tấn, đạt 108 % kế hoạch. Sản lượng muối công nghiệp 9 tháng đầu năm 2023 đạt 133.000/155.000 tấn, đạt 85,8 % kế hoạch.

b) Khu vực kinh tế Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp, khoa học công nghệ: Tình hình chế biến, sản xuất của một số cơ sở duy trì, một số sản phẩm công nghiệp tăng so với cùng kỳ năm trước như xay xát lương thực, muối chế biến, cụ thể: Sản xuất nước mắm sản lượng ước đạt: 600.000 Lít; Sản xuất chế biến muối: sản lượng muối công nghiệp ước đạt 122.500 tấn; Đá Granit: Sản lượng ước đạt 65.000 m³ (Công ty Tân Sơn Hoa Cương); Cá hấp: 2.788 tấn. Đã phối hợp cùng Chi cục Tiêu chuẩn - Đo lường - Chất lượng kiểm tra các phương tiện đo tại các cơ sở sản xuất kinh doanh trên địa bàn thị trấn Khánh Hải.

c) Khu vực kinh tế thương mại, dịch vụ, du lịch:

Nguồn cung các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu đáp ứng đủ nhu cầu tiêu dùng của người dân. Hoạt động kinh doanh các mặt hàng thiết yếu trên địa

bàn vẫn diễn ra bình thường, lượng hàng hóa dự trữ của các hộ kinh doanh trên địa bàn đáp ứng nhu cầu tiêu dùng của người dân. Mặc dù có ảnh hưởng của giá xăng dầu nhưng mọi hoạt động sản xuất, kinh doanh trên địa bàn vẫn duy trì ổn định; không có hiện tượng giảm hàng hay bán tăng giá quá mức quy định.

Cùng với đó công tác kiểm tra, kiểm soát thị trường được tăng cường, kịp thời phát hiện, ngăn chặn và xử lý nghiêm các đối tượng buôn lậu, vận chuyển hàng cấm, hàng nhập lậu, sản xuất, kinh doanh hàng giả, hàng kém chất lượng, không rõ nguồn gốc, vi phạm quy định về vệ sinh an toàn thực phẩm; trong 09 tháng đầu năm 2023, Đội quản lý thị trường số 3 đã tổ chức kiểm tra 107 vụ, xử lý 23 vụ, số tiền thu phạt nộp ngân sách 133,419 triệu đồng. Ban chỉ đạo vệ sinh an toàn thực phẩm huyện đã tổ chức 02 Đoàn kiểm tra các cơ sở kinh doanh thực phẩm, dịch vụ ăn uống. Phối hợp tổ chức 7 đợt đưa hàng Việt Nam về nông thôn tại xã Vĩnh Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải, Tân Hải, Xuân Hải, Phương Hải.

Huyện đã chỉ đạo đẩy mạnh công tác xúc tiến, quảng bá du lịch theo hướng tăng cường kích cầu du lịch nội địa như: Xây dựng Đề án Làng văn hóa du lịch Vĩnh Hy. Tổ chức Lễ công bố Bức tường tranh Bích họa xác lập kỷ lục Việt Nam và các sự kiện văn hoá du lịch hè Ninh Hải 2023; Hội thi “Nữ sinh duyên dáng” huyện Ninh Hải hưởng ứng sự kiện Lễ hội Nho và Vang Ninh Thuận năm 2023, Giải đua thuyền rồng truyền thống trên Đầm Nai..., phục vụ nhu cầu giải trí cho người dân, tạo nhiều hoạt động thu hút khách du lịch. Phối hợp với báo Người lao động xây dựng nội dung bài phóng sự về phát triển du lịch Ninh Hải trở thành ngành kinh tế mũi nhọn; Trung tâm Truyền hình Việt Nam ghi hình tại số điểm du lịch trên địa bàn huyện... nhằm quảng bá, đẩy mạnh phát triển du lịch, nâng cao sức cạnh tranh. Tổng lượt khách đến tham quan, nghỉ dưỡng, vui chơi giải trí trên địa bàn huyện ước tính đón và phục vụ khoảng 2.485.304 lượt khách, tổng thu nhập xã hội từ hoạt động du lịch ước tính khoảng 1.384,97 tỷ đồng. Trong đó khách quốc tế đến làm việc, tham quan, nghỉ dưỡng khoảng 41.349 lượt. (Khách của Resort Amanoi là 12.122 lượt, doanh thu 221,35 tỷ đồng). So với cùng kỳ năm 2022, lượt khách tăng 571.898 lượt; doanh thu tăng 288,44 tỷ đồng

1.2.3. Dân số, lao động

a) Dân số

Dân số trung bình năm 2022 huyện Ninh Hải có 93.491 người, chiếm khoảng 15,62% dân số toàn tỉnh.

- Mật độ dân số bình quân là 368,6 người/km². Do đặc điểm về vị trí và địa hình, dân cư phân bố không đều. Khu vực có địa hình tương đối bằng phẳng hoặc đồi núi thấp, có điều kiện thuận lợi về giao thông, nguồn nước,

đất sản xuất nông nghiệp thường tập trung dân cư, có mật độ dân số khá cao. Còn khu vực có địa hình phức tạp, chủ yếu là đất lâm nghiệp nên mật độ dân số khá thấp (mật độ dân số cao nhất là thị trấn Khánh Hải, mật độ dân số thấp nhất là xã Vĩnh Hải).

- Dân số thành thị là 16.334 người, dân số nông thôn là 77.157 người. Tỷ lệ đô thị hóa là 17,47%.

- Tỷ lệ tăng dân số toàn huyện là 0,61%, trong đó tỷ lệ tăng tự nhiên khoảng 1 – 1,41%.

b) Lao động

- Lực lượng lao động: Lực lượng lao động từ 15 tuổi trở lên năm 2022 có khoảng 68.743 người, chiếm 74,1% tổng dân số. Trong đó lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế có 52.932 người, chiếm 57,1% tổng dân số toàn huyện.

- Lao động đang có xu hướng tăng dần trong tất cả các ngành, đặc biệt là ngành nông, lâm nghiệp và thủy sản. Lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế là 52.932 người, chiếm 77 % lao động trong độ tuổi. Trong đó: Lao động đang làm việc trong các doanh nghiệp có 2.307 người, chiếm 4,4%; Lao động làm việc trong cơ sở Hợp tác xã có 116 người, chiếm 0,2%; lao động làm việc trong các cơ sở các thể phi nông, lâm nghiệp và thủy sản có 10.487 người, chiếm 19,8% lao động đang làm việc trong các ngành kinh tế. Số lao động còn lại khoảng 40.022 người đang làm việc trong lĩnh vực nông, lâm nghiệp và thủy sản và làm muối thuộc kinh tế hộ gia đình.

- Chất lượng lao động: Hàng năm huyện đã giải quyết việc làm cho hơn 3 ngàn lao động, triển khai các chương trình đào tạo nghề cho lao động nông thôn. Công tác dạy nghề góp phần chuyển dịch cơ cấu lao động, cơ cấu kinh tế. Tuy nhiên nhìn chung chất lượng lao động còn thấp, đội ngũ cán bộ KHKT và công nhân lành nghề còn ít, gây khó khăn trong việc tiếp thu công nghệ mới, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào thực tiễn sản xuất, là trở ngại lớn trong quá trình phát triển kinh tế xã hội của huyện.

- Đời sống dân cư: Đời sống nhân dân trên địa bàn huyện nhìn chung ổn định. Công tác đào tạo nghề và giải quyết việc làm được các cấp chính quyền, các đơn vị trên địa bàn huyện quan tâm.

- Chính sách xã hội, Các chế độ, chính sách cho đối tượng bảo trợ xã hội, người có hoàn cảnh khó khăn, người có công với cách mạng và thân nhân được giải quyết kịp thời đúng quy định.

- Lao động việc làm:

- Thành phần dân tộc: Huyện Ninh Hải có một số dân tộc sinh sống; trong đó người Kinh, Chăm chiếm đa số, còn lại là người Raglai.

- Tôn giáo: Khoảng 20,7% dân số theo đạo Công giáo, 19,69% theo đạo Bà ni, 18,95% theo đạo Phật, còn lại là đạo Tin lành, Cao đài, Islam,

Bàlamôn. Tình hình hoạt động của các tôn giáo đều tuân thủ đúng theo quy định của Đảng và Nhà nước. Việc xây dựng, mở rộng các cơ sở thờ tự, hoạt động xã hội từ thiện và các đề xuất khác luôn được chính quyền địa phương quan tâm giải quyết. Huyện Ninh Hải thực hiện tốt các chính sách tôn giáo, đoàn kết dân tộc, phát huy tinh thần tương thân tương ái để phát triển kinh tế.

(Các chỉ tiêu: Dân số năm 2023; Tỷ lệ tăng dân số tự nhiên; tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi bị suy dinh dưỡng; giảm tỷ lệ hộ nghèo và tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch, hợp vệ sinh, ... sẽ đánh giá vào cuối năm 2023).

1.2.4. Thực trạng phát triển đô thị và các khu dân cư nông thôn

a) Thực trạng phát triển đô thị

- Dân số đô thị, tỷ lệ đô thị hóa: Dân số đô thị năm 2022 là 16.334 người. Tỷ lệ đô thị hóa là 17,47%. Tốc độ đô thị hóa khá chậm, trong giai đoạn 2010 – 2022, tỷ lệ đô thị hóa chỉ từ 17,53 – 17,81%, đến năm 2022 giảm xuống còn 17,47%.

- Phân bố đô thị: Toàn huyện chỉ có 1 đô thị loại V là thị trấn Khánh Hải: Là thị trấn huyện lỵ - trung tâm chính trị, hành chính, kinh tế, văn hoá, giáo dục của huyện Ninh Hải.

- Tình hình quy hoạch xây dựng đô thị: Đồ án quy hoạch chung xây dựng thị trấn huyện lỵ Khánh Hải đã được phê duyệt năm 2001 và đến năm 2007 phê duyệt điều chỉnh lần 2.

Sau một thời gian triển khai thực hiện, huyện đã đầu tư xây dựng mới các khu dân cư: Khu tái định cư Cầu Ninh Chũ, Khu dân cư Gò ông Táo, Khu dân cư 8 sào, khu dân cư phía Nam bờ kè Lạch Tri Thủy, ...theo quy hoạch chi tiết 1/500 được phê duyệt; Đặc biệt năm 2023 đã xây dựng xong công trình Mở rộng đường giao thông Đầm Nại, thị trấn Khánh Hải đã làm thay đổi không gian đô thị khu vực dân cư dọc theo tuyến đường Đầm Nại.

Khu vực ven biển Ninh Chũ đã xây dựng một số khách sạn, khu du lịch quy mô nhỏ, hiệu quả sử dụng đất còn thấp. Hạ tầng kỹ thuật như giao thông, cấp điện, cấp nước, thông tin liên lạc được chú trọng đầu tư. Các công trình công cộng xây dựng khá kiên cố, có một số công trình quy mô lớn và đẹp, tạo bộ mặt khang trang, sầm uất cho đô thị. Cảnh quan môi trường từng bước được cải thiện. 100% hộ dân có điện sinh hoạt, sử dụng nước sạch hợp vệ sinh, về cơ bản không còn nhà tạm. Tuyến đường đi bộ ven biển được đầu tư xây dựng, không gian bờ biển Ninh Chũ ngày càng sạch, đẹp; Tuy nhiên đoạn tuyến từ giáp Khu du lịch Phúc Hợp Thanh Tâm đến hết khu dân cư khu phố Ninh Chũ chưa có đường, bãi biển còn nhiều rác thải cần tiếp tục đầu tư chỉnh trang khu dân cư ven biển.

b) Thực trạng phát triển nông thôn

Huyện Ninh Hải có 8 xã, dân số nông thôn là 77.157 người, chiếm 82,53% tổng dân số toàn huyện. Hệ thống dân cư nông thôn phân bố không

đều. Bình quân mỗi xã có khoảng 1000 – 1200 hộ. Dân cư chủ yếu phân bố tập trung tại các trung tâm xã và dọc các trục giao thông chính, có điều kiện thuận lợi về sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng và khai thác thủy sản.

- Trung tâm xã Tân Hải và xã Hộ Hải tập trung chủ yếu dọc hai bên tuyến đường quốc lộ 1 A; Trung tâm xã Xuân Hải phân bố hai bên tuyến đường tỉnh lộ 705; Trung tâm xã Phương Hải và một phần xã Tri Hải phân bố hai bên tuyến đường tỉnh lộ 704 nối dài; Trung tâm các xã Tri Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải, Vĩnh Hải tập trung chủ yếu dọc hai bên tuyến đường tỉnh lộ 702. Dân cư phần lớn sống bằng nghề sản xuất nông nghiệp, nuôi trồng thủy sản, sản xuất muối và một số hộ kinh doanh nhỏ lẻ.

- Hình thái dân cư nông thôn: Phát triển thành khu dân cư tập trung: chủ yếu là các trung tâm xã, có hệ thống giao thông thuận lợi, có nguồn nước phục vụ sinh hoạt. Trong khu dân cư chia thành nhiều thôn, xóm, phát triển thành các điểm dân cư bám theo các trục giao thông (theo tuyến), ngành nghề chủ yếu là thương mại dịch vụ, buôn bán nhỏ, sản xuất nông nghiệp; Phát triển thành các điểm dân cư ven biển với nghề đánh bắt, nuôi trồng, chế biến thủy sản.

- **Tình hình xây dựng Nông thôn mới:** huyện Ninh Hải đã Quyết định công nhận và tổ chức Lễ công bố 11 thôn đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới” năm 2022 (gồm các thôn: Phương Cựu 1, Phương Cựu 3, Gò Gũ, Lương Cách, Hòn Thiên, Tri Thủy 1, Tân An, Vĩnh Hy, An Nhơn, An Xuân 3 và Thành Sơn) và 01 thôn Khánh Hội đạt chuẩn “Thôn nông thôn mới kiểu mẫu” năm 2022. Tổ chức Lễ Phát động phong trào xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2021-2025 trên địa bàn; Kế hoạch triển khai thực hiện xây dựng huyện nông thôn mới nâng cao đến năm 2025; Kế hoạch tổ chức Đoàn công tác đi tham quan, học tập kinh nghiệm Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới năm 2023. Tổ chức tập huấn Chương trình MTQG xây dựng nông thôn mới đợt 1, 2 và 3 năm 2023; Tổ chức kiểm tra, giám sát kết quả thực hiện NTM tại các xã: Tân Hải, Xuân Hải, Tri Hải, Nhơn Hải, Thanh Hải và Vĩnh Hải. Kết cấu hạ tầng nông thôn và cảnh quan môi trường luôn được người dân trên địa bàn huyện tích cực thực hiện, các con đường từ thị trấn Khánh Hải đến những thôn, xã xa nhất như thôn Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải đều được người dân quan tâm trồng cây cảnh trước cửa nhà và các khu vực công cộng, góp phần tô điểm thêm cho bức tranh NTM của huyện ngày càng giàu đẹp, xanh, sạch. Tình hình an ninh trật tự trên địa bàn huyện trong nhiều năm qua cũng luôn được đảm bảo bình yên, tạo sự an tâm, tin tưởng trong Nhân dân.

1.2.5. Thực trạng phát triển cơ sở hạ tầng

a) Hiện trạng hạ tầng xã hội

*** Hạ tầng thương mại**

Huyện Ninh Hải có 20 chợ nằm phân bố đều trên địa bàn 08 xã và 01

thị trấn của huyện. Trong đó, chợ Nại tại thị trấn Khánh Hải là chợ đầu mối chuyên cung cấp hải sản lớn nhất của huyện. Bên cạnh đó, chợ tọa lạc ở một vị trí đẹp, tuyến đường đèo Nại mới được xây dựng, cảnh quan của khu chợ ven đèo với nhiều hải sản tươi, ngon, rẻ thu hút rất nhiều du khách đến tham quan và mua sắm. Chợ xã Thanh Hải mới hoàn thành, đang đề xuất xây dựng chợ Nhơn Hải.

Hàng hóa kinh doanh tại chợ chủ yếu là nhu yếu phẩm phục vụ cuộc sống hàng ngày của người dân; vị trí hình thành chợ gần các tuyến đường bộ, trong khu dân cư tập trung nên các chợ có điều kiện giao thông khá tốt, thuận tiện cho người và hàng hóa qua chợ. Đa phần chợ nông thôn có diện tích nhỏ hẹp; mặc dù được xây dựng kiên cố hoặc bán kiên cố, tuy nhiên do thời gian hình thành đã khá lâu, nên đến nay nhiều chợ đã xuống cấp; bộ phận phụ trợ và kỹ thuật công trình tại nhiều chợ chưa hoàn thiện (*phần lớn chợ chưa có nhà vệ sinh công cộng, hệ thống cấp thoát nước và xử lý rác thải chưa đảm bảo, công tác phòng chống cháy nổ chưa quan tâm đúng mức, ...*).

Có một số chợ hình thành lâu đời nhưng có diện tích quá chật hẹp, đã có quy hoạch xây dựng vị trí mới nhưng chưa thu hút được nhà đầu tư nên chưa thực hiện được, cụ thể KHSD đất năm 2023, huyện Ninh Hải kêu gọi đầu tư xây dựng chợ xã Nhơn Hải nhưng chưa có nhà đầu tư đăng ký.

*** Cơ sở hạ tầng giáo dục và đào tạo**

Hệ giáo dục đại học có phân hiệu Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh tại thị trấn Khánh Hải (Hiện nay trường Cao đẳng Sư phạm đã sáp nhập vào phân hiệu Đại học Nông lâm thành phố Hồ Chí Minh); Số trường THPT có 03 trường (Ninh Hải, Tôn Đức Thắng, Phan Chu Trinh).

Tất cả các xã, thị trấn đều có trường tiểu học, trung tâm học tập cộng đồng. Quy mô trường lớp được mở rộng theo hướng chuẩn hóa, hiện đại hóa, xã hội hóa, nâng cao chất lượng xây dựng môi trường cảnh quan trường học xanh – sạch – đẹp. Chất lượng dạy và học các cấp được nâng lên, quy mô học sinh các cấp học được duy trì. Năm học 2022-2023, tốt nghiệp trung học cơ sở 1.234/1.235 đạt 99,92%. Kết quả tuyển sinh lớp 6 năm học 2023-2024 được 1.895/1.897 đạt 99,9%. Công tác sửa chữa và xây mới các cơ sở giáo dục luôn được quan tâm và triển khai thực hiện đồng bộ hoàn thành việc sửa chữa trước năm học. Các trường tổ chức đồng bộ Lễ khai giảng năm học mới 2023-2024 ở tất cả các cấp học, trong đó các trường MN, MG công lập huy động trẻ ra lớp được 94 nhóm lớp/2.544 trẻ.

Số trường Tiểu học: 18 trường; số trường TH-THCS 02 trường; số điểm trường lẻ 08; Số lớp 327, số học sinh 9.640; HSĐT 1.030, tỉ lệ 10,7%; nữ 4616, tỉ lệ 47,9%; Duy trì sĩ số 9627/9640, tỉ lệ 99,87%; Số học sinh bỏ học: 13 học sinh, HS dân tộc bỏ học: 1 học sinh; Tổng số học sinh xét hoàn thành chương trình lớp học là 9.392/9.640, đạt tỉ lệ 97,4%, Số học sinh Chưa hoàn thành chương trình lớp học 218/9.640, chiếm tỉ lệ 2,2%; Có 1.913/1.913

em được xét Hoàn thành chương trình tiểu học, tỉ lệ 100%; Số lượng khen thưởng danh hiệu Học sinh Xuất sắc 3.151/9.640 đạt tỉ lệ 32,7%, Khen thưởng danh hiệu học sinh Tiêu biểu 1.128/9.640, đạt tỉ lệ 11,7%

Số trường THCS; TH–THCS có 11 trường với 146 lớp (trong đó có 02 trường Liên cấp; có 01 trường có số lớp dưới 10 lớp (THCS Nguyễn Văn Linh); có 01 trường có 01 điểm lẻ (TH-THCS Mai Thúc Loan). Số trường tổ chức học theo mô hình trường học mới là 01 trường/ 01 lớp (THCS Ngô Sỹ Liên). Tổng số học sinh đầu năm học 5.763 hs (so với cùng kỳ năm học trước tăng 208 học sinh). Số học sinh cuối năm học 5.606 hs/ 2.941 nữ (so với đầu năm học giảm 157 hs). Học sinh dân tộc: 588/297 nữ; Tỷ lệ duy trì sĩ số: 99.20 % (giảm 0,01% so với cùng kỳ năm học trước). Số học sinh bỏ học 46 HS, tỷ lệ 0,80% (tăng 0.01% so với cùng kỳ năm học trước). Tính đến tháng 5/2023 toàn huyện có 7/11 trường đạt chuẩn Quốc gia (tỷ lệ 63,63%). Kết quả học sinh tốt nghiệp 99,92%/100% (giảm 0.08% so với năm học 2021-2022).

*** Cơ sở hạ tầng y tế**

Bệnh viện đa khoa huyện quy mô 70 giường theo kế hoạch, 100 giường thực tế, cơ sở vật chất khang trang, đủ giường bệnh nội trú. Phòng khám đa khoa khu vực Nhơn Hải 10 giường. Các đội dự phòng: Đội y tế dự phòng, Đội y tế lưu động, Đội chăm sóc sức khỏe sinh sản. 9 trạm y tế xã, thị trấn với 45 giường. Tổng số giường bệnh là 125 giường. Chỉ tiêu bình quân 1,32 giường/1000 dân, 0,26 bác sĩ/1000 dân. Thực hiện hiệu quả các chương trình mục tiêu y tế quốc gia, công tác khám chữa bệnh cho nhân dân được quan tâm đúng mức, kết hợp phương pháp điều trị đông và tây y, tình trạng sức khỏe của người dân đã được cải thiện. Huyện đã triển khai xây dựng dự án bảo tồn nguồn gen một số cây dược liệu thuốc nam ở xã Xuân Hải. Trong những năm qua đã đầu tư xây mới trạm y tế Tân Hải, Thanh Hải, Hộ Hải; sửa chữa, nâng cấp trạm y tế Xuân Hải, đầu tư trang thiết bị y tế cho Bệnh viện đa khoa huyện, Phòng khám đa khoa.

Công suất sử dụng giường bệnh năm 2023 ước đạt 48,2%, so cùng kỳ tăng 6,6%. Tổng số lần khám bệnh 136.000 lần, so cùng kỳ tăng 17.541 lượt. Ngoài ra tổ chức khám, cấp phát thuốc miễn phí 2 đợt cho 400 lượt và tặng quà cho các hộ gia đình nghèo, cận nghèo, gia đình chính sách, người dân tộc thiểu số tại 2 thôn Cầu Gãy, Vĩnh Hy thuộc xã Vĩnh Hải. Tổ chức 02 đợt kiểm tra vệ sinh an toàn thực phẩm trong dịp Tết Nguyên đán Quý Mão 276 cơ sở (Ngành Y tế 222 cơ sở, Ngành công thương 54 cơ sở), trong đó: Cơ sở đạt: 271 cơ sở; chiếm tỷ lệ 98,1%. Cơ sở vi phạm: 05 cơ sở, đoàn kiểm tra đã xử lý bằng biện pháp nhắc nhở; Số cơ sở được cấp giấy chứng nhận đủ điều kiện ATTP: 06 cơ sở, tích lũy 96 cơ sở, đạt 100%.. Tháng hành động vì an toàn thực phẩm 210 cơ sở (Ngành Y tế 145 cơ sở, Ngành công thương 65 cơ sở), trong đó: Cơ sở đạt: 188 cơ sở; chiếm tỷ lệ 89,5%. Cơ sở vi phạm: 22 cơ

sở, đoàn kiểm tra đã xử lý bằng biện pháp nhắc nhở. Tiếp tục triển khai thực hiện các hoạt động phát triển BHYT toàn dân.

*** Cơ sở hạ tầng văn hóa**

Huyện Ninh Hải có 1 Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện, 1 thư viện huyện, 6 thư viện, phòng đọc sách của xã, thị trấn, 1 nhà văn hóa xã, 4 nhà sinh hoạt cộng đồng. Có 2 trạm tiếp phát lại truyền hình ở Vĩnh Hải, Vĩnh Hy; 9 xã, thị trấn đã phủ sóng truyền thanh, truyền hình; Tất cả các xã, thị trấn đều có đội nghệ thuật quần chúng, toàn huyện có 2 đội nghệ thuật quần chúng dân gian (hò bá trạo, múa nấp). Nhiều công trình văn hóa được công nhận, bảo tồn và phát huy giá trị truyền thống như: Đình Đur Khánh, Đình Tri Thủy, Đình Mỹ Phong,...

Năm 2023 đã thực hiện có hiệu quả công tác tham mưu ban hành và hướng dẫn các văn bản quản lý nhà nước trên 04 lĩnh vực (văn hóa, thể thao, du lịch và gia đình). Tổ chức tốt các hoạt động tuyên truyền, văn hóa, văn nghệ, kỷ niệm các sự kiện lớn của đất nước, của tỉnh, huyện và trang trí cổ động trực quan (*Mừng Đảng – Mừng Xuân năm 2023, Hẹn mặt kỷ niệm 93 năm Ngày thành lập Đảng CSVN 3/2, Lễ Giao nhận quân 2023, Tết trồng cây “Đời đời nhớ ơn Bác Hồ”, niệm 48 năm Ngày giải phóng Ninh Thuận (16/4/1975 – 16/4/2023) và giải phóng hoàn toàn miền Nam thống nhất đất nước (30/4/1975 – 30/4/2023) và Quốc tế lao động 1/5, kỷ niệm 133 năm Ngày sinh chủ tịch Hồ Chí Minh 19/5, niệm Ngày thương binh liệt sĩ 27/7, Cách mạng tháng Tám và Quốc hánh 2/9*). Tăng cường công tác quản lý nhà nước về các hoạt động văn hoá, lễ hội, du lịch bảo đảm an toàn, tiết kiệm, gìn giữ và phát huy các giá trị văn hóa truyền thống tốt đẹp của dân tộc. Tiếp tục triển khai phong trào “*Toàn dân đoàn kết xây dựng đời sống văn hóa*”, góp phần xây dựng môi trường văn hóa lành mạnh, nâng cao đời sống vật chất, tinh thần cho Nhân dân. Hoạt động truyền thanh diễn ra sôi nổi: Tổng thời lượng phát trên 800 giờ, trong đó tiếp âm Đài tỉnh và Đài Tiếng nói Việt Nam trên 550 giờ, chương trình Đài huyện 250 giờ; Xây dựng 108 chương trình phát thanh địa phương với 540 tin, bài, chuyên mục; cộng tác trên 190 tin truyền hình; Trang Thông tin điện tử huyện và Facebook Ninh Hải vào xuân, xây dựng clip tuyên truyền tại màn hình điện tử của huyện. Tổ chức nhiều hoạt động Văn hoá, Văn nghệ - Thể dục thể thao trên địa bàn huyện (*Phối hợp với Đoàn Ca múa nhạc dân tộc, Trung tâm văn hóa tỉnh biểu diễn nghệ, chiếu phim phục vụ nhân dân trên địa bàn xã Xuân Hải. Tổ chức các hoạt động văn hóa, văn nghệ; thể dục thể thao vui chơi, giải trí và các hoạt động kỷ niệm thành lập Đảng Cộng sản Việt Nam 3/2 và mừng Đảng - mừng Xuân Quý Mão 2023 trước và trong Tết Nguyên đán đến hết ngày mừng 04 Tết trên địa bàn 09 xã, thị trấn. Ngoài ra còn tổ chức biểu diễn 02 đêm văn nghệ kỷ niệm giải phóng Ninh Thuận 16/4 tại 02 xã phương Hải; Vĩnh Hải; 02 đêm văn nghệ kỷ niệm Ngày thương binh liệt sĩ 27/7: Xã Nhơn Hải, Xã Vĩnh Hải. Tổ chức giao lưu Acotic tại công viên biển Ninh Chữ. Hội thi nữ sinh duyên*

dáng huyện Ninh Hải. Hỗ trợ cho xã Thanh Hải về chuyên môn và trọng tài tổ chức các môn thể thao trong dịp lễ Cầu ngư tại Lăng Nam Hải Mỹ Tân, xã Thanh Hải). Thành lập các Tổ công nghệ số cộng đồng tại 50/50 thôn, khu phố đạt tỷ lệ 100% và 100% các cơ quan, đơn vị, địa phương đã sử dụng chứng thư số và thực hiện ký số trên văn bản theo quy định. Đăng ký “01 sản phẩm chuyên đổi số” năm 2023, với tên sản phẩm đăng ký: Hệ thống pano điện tử tuyên truyền (màn hình Led).

*** Cơ sở hạ tầng thể dục, thể thao**

Có 1 sân vận động Ninh Chữ (cấp huyện) và các sân thể thao tại trung tâm các xã. Hiện nay phần lớn sân thể thao các xã, các thôn chủ yếu dạng sân tạm, chưa đầu tư xây dựng. Tổng diện tích đất cơ sở thể dục - thể thao có 13,2 ha. Bình quân diện tích đất thể thao là 1,44 m²/người, như vậy chưa đạt tiêu chuẩn định mức sử dụng đất cơ sở thể dục, thể thao (huyện đồng bằng - vùng Duyên hải Nam Trung bộ là 2,17- 2,89 m²/người); trong những năm tới cần mở rộng để đáp ứng nhu cầu thể dục thể thao, vui chơi giải trí của nhân dân.

Trung tâm Văn hóa – Thể thao và Truyền thanh huyện có đầy đủ cơ sở vật chất để tổ chức các sự kiện, các hoạt động văn hóa, văn nghệ thể thao phong phú, đa dạng và có sự kết nối đồng bộ với các xã. Có hội trường 400 chỗ ngồi, khu thể thao ngoài trời gồm 02 sân quần vợt, 01 sân khấu ngoài trời, 01 khu vui chơi giải trí đa năng, 01 sân vận động huyện, các chỉ tiêu về cơ sở vật chất đảm bảo đạt chuẩn.

Tình hình hoạt động văn hóa – TDTT: Thời gian qua huyện đã triển khai các hoạt động tập luyện, thi đấu, giao lưu thể dục thể thao trên địa bàn huyện, các xã, thị trấn; tạo không khí sôi nổi, hăng hái trong cán bộ, nhân dân, góp phần nâng cao thể chất, đáp ứng nhu cầu hưởng thụ về thể dục thể thao.

*** Hạ tầng cơ sở trợ giúp xã hội**

Cơ sở bảo trợ Từ Ân: Địa điểm tại xã Tri Hải, huyện Ninh Hải; quy mô nuôi dưỡng 32 đối tượng/năm, hiện nay đang nuôi dưỡng khoảng 12 đối tượng BTXH.

b) Hiện trạng hạ tầng kỹ thuật

*** Hệ thống giao thông**

- Đường bộ: Tổng chiều dài đường bộ trên địa bàn huyện là 157,74 km, trong đó quốc lộ có 7,6 km, tỉnh lộ có 53,38 km, huyện lộ có 28 km, đường đô thị có 16,72 km, đường xã có 52,04 km.

+ Quốc lộ 1: nối TP. Phan Rang – Tháp Chàm với TP. Cam Ranh, TP. Nha Trang, đoạn qua huyện có dài khoảng 7,6 km, nền đường 14 -18m, bê tông nhựa.

+ Tỉnh lộ 702: từ Vòng xoay ngã tư Ninh Chữ đến quốc lộ 1, xã Công

Hải (huyện Thuận Bắc). Đoạn qua huyện dài khoảng 45,5 km, bê tông nhựa, nền đường rộng 9 - 21m, mặt đường từ 7-14m. Đây là đoạn nằm trong tuyến đường ven biển Ninh Thuận (Bình Tiên – Cà Ná).

+ Tỉnh lộ 704 : nối từ quốc lộ 1 (ngã 3 Cà Đú) đến Ninh Chũ (thị trấn Khánh Hải) dài 5,6 km, nền đường rộng 9m, mặt đường rộng 7m, bê tông nhựa.

+ Tỉnh lộ 704 nối dài: từ Lò Vôi (ĐT.704) qua cầu Tri Thủy đến thôn Láng Me (huyện Thuận Bắc). Đoạn qua huyện dài khoảng 5,7 km, nền rộng 7,5 – 12 m, mặt đường rộng 5,5 – 7 m, bê tông nhựa.

+ Tỉnh lộ 705: nối quốc lộ 1 (ngã 3 Lương Cách - Hộ Hải) đến quốc lộ 27 (Mỹ Sơn), đoạn qua huyện dài khoảng 4,68 km, nền đường rộng 9m, mặt đường rộng 5,5m-7m, bê tông nhựa.

+ Đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận (đoạn từ Tỉnh lộ 702 đến đèo Khánh Nhơn): thuộc địa bàn xã Nhơn Hải, chiều dài 2 km, lộ giới 27m. Năm 2022 đang tiến hành xây dựng đoạn từ đèo Khánh Nhơn đến Quốc lộ 1A (đi qua địa bàn các xã Nhơn Hải, Tri Hải, Phương Hải và Tân Hải).

+ Đường huyện 11 (ĐH.11): nối từ cầu Đồng Nha đi Hòn Ngang, chiều dài khoảng 4,6 km, nền đường 9m, mặt đường 7m, cấp IV đồng bằng.

+ Đường Bình Nghĩa – Mỹ Tân (ĐH.12): từ ranh giới huyện Thuận Bắc (xã Bắc Sơn) đi đường ĐT.702 (ngã 4 Mỹ Tân - Thanh Hải), chạy qua địa bàn xã Nhơn Hải và xã Thanh Hải, là tuyến đường chính nối các xã phía Đông của huyện Ninh Hải với huyện Thuận Bắc. Dài 12km, nền đường rộng 6m-9m, mặt đường 3,5m-7m, bê tông nhựa.

+ Đường Quốc lộ 1 - Phước Nhơn (ĐH.13): Từ quốc lộ 1 (xã Hộ Hải) đến thôn Phước Nhơn (xã Xuân Hải), dài 3,5km, rộng 5m; đường trải nhựa, đi lại thuận lợi.

+ Đường ven đầm Nại (ĐH.14): từ khu phố Dư Khánh (thị trấn Khánh Hải) đến thôn Phương Cựu (xã Phương Hải), chiều dài 10 km, nền đường rộng 6m, mặt đường 3,5m; đường nhựa.

+ Tổng chiều dài đường đô thị khoảng 16,72 km với 25 tuyến. Một số tuyến chính được lát nhựa. Tuy nhiên số tuyến đường còn ít, lộ giới hẹp, ảnh hưởng lớn đến khả năng lưu thông. Nhiều tuyến đường chưa được cải tạo, nâng cấp.

+ Hiện nay các tuyến trục xã, đường liên thôn được phân bố tương đối đồng đều. Tổng chiều dài khoảng 52,04 km, nền đường rộng 3-6m, trong đó đường lát nhựa chiếm 4,57%, đường cấp phối chiếm 41,44%, đường BTXM chiếm 24,09%, đường đất chiếm 29,9%. Chất lượng đường còn thấp, mặt đường hẹp.

+ Cầu Ninh Chũ kết nối trục đường Trường Chinh với đường ĐT.702.

+ Cầu Tri Thủy kết nối trục đường ĐT.702 qua khu vực Đầm Nại, tỉnh

không thấp, cần xây dựng mới.

- Đường thủy nội địa: Hiện nay có cảng Ninh Chữ có cầu tàu dài 120m và bến cá Mỹ Tân là nơi trú đậu cho tàu thuyền đánh cá trong tỉnh và các tỉnh vào trú bão an toàn, có khả năng tiếp nhận tàu có quy mô công suất đến 500 CV.

- Khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ: hạng mục nạo vét tuyến luồng chạy tàu với quy mô: chiều dài nạo vét là 1.710m; chiều rộng đáy 70m; cao trình đáy -7,2m; hệ số mái $m = 5,0$ m đã hoàn thành, các phương tiện tàu thuyền vào neo đậu tránh trú bão an toàn, giúp ngư dân ổn định hoạt động sản xuất và giao thương hàng hóa, góp phần thúc đẩy phát triển kinh tế địa phương.

- Đường sắt Bắc - Nam chạy qua địa bàn huyện Ninh Hải nối với TP. Phan Rang- Tháp Chàm và TP. Nha Trang.

*** Hệ thống thủy lợi**

- Công trình tưới: Toàn huyện có 1 hệ thống công trình thủy lợi lớn, 02 hồ chứa nhỏ, 8 đập thủy lợi nhỏ và 1 trạm bơm với tổng diện tích tưới thiết kế trên 2.868,0 ha, diện tích tưới thực tế 2.521,0 ha (chủ yếu tưới cho lúa), chiếm 87,90% diện tích tưới thiết kế. Tổng diện tích đất thủy lợi trên địa bàn huyện là 359,91 ha, chiếm 1,42% tổng diện tích tự nhiên toàn huyện.

+ Hệ thống các công trình phục vụ tưới có sử dụng nước xả của nhà máy thủy điện Đa Nhim : gồm có Kênh Bắc và hệ thống Nha Trinh, Lâm Cẩm ; bắt nguồn từ sông Cái Phan Rang, chiều dài chảy qua huyện là 58,75 km, tưới chủ động cho 2055 ha đất canh tác.

+ Hồ Ông Kinh (xã Nhơn Hải) : diện tích tưới thiết kế 170 ha, diện tích tưới thực tế 60 ha.

+ Hồ Nước Ngọt (xã Vĩnh Hải) : diện tích tưới thiết kế 208 ha, diện tích tưới thực tế 150 ha.

+ Hồ Thành Sơn (xã Phước Trung – huyện Bác Ái) : tưới cho xã Xuân Hải, diện tích tưới thiết kế 200 ha, diện tích tưới thực tế 148 ha.

+ Hệ thống các công trình trạm bơm: trạm bơm số 1 Thành Sơn, trạm bơm số 2 Thành Sơn, trạm bơm Mỹ Nhơn. Nguồn nước được lấy từ Kênh Bắc.

+ Đập dâng Tà Cú : ở vị trí suối Đông Nha, xã Nhơn Hải ; diện tích lưu vực 24km².

+ Đập Vĩnh Hy : ở xã Vĩnh Hải, ở vị trí suối Lò Ô, diện tích lưu vực 18km², cung cấp nước sinh hoạt.

- Hiện trạng đê, kè biển: Trong 10 năm trở lại đây, hệ thống đê kè biển huyện Ninh Hải đã được đầu tư xây dựng trên nhiều đoạn xung yếu nhằm chống sạt lở bờ biển, bảo vệ các khu dân cư ven biển. Các tuyến đê, kè mới được đưa vào vận hành, khai thác xong đã phát huy hiệu quả tốt, mặt cắt ngang kè phù hợp với hải triều, địa chất nền cũng như kết hợp giao thông thuận lợi Tuy nhiên, do chưa có quy hoạch tổng thể hệ thống đê kè biển của

toàn tỉnh và nguồn vốn hạn chế nên hệ thống đê kè đã được đầu tư xây dựng chưa đồng bộ.

+ Kè chống sạt lở bờ biển thôn Vĩnh Hy: Được xây dựng năm 2008, trên bờ biển đoạn qua thôn Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 811m, kết cấu tường chắn sóng bằng bê tông, mái kè bằng tấm bê tông đúc sẵn. Hiện trạng kè còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Kè áp Nam thôn Vĩnh Hy: Được xây dựng năm 1999, trên bờ biển đoạn qua thôn Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 500m, kết cấu mái kè bằng đá xây. Hiện trạng kè còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Kè chống sạt lở bờ biển thôn Thái An: Được xây dựng năm 2008, trên bờ biển đoạn qua thôn Thái An, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 1.584m, kết cấu tường chắn sóng bằng bê tông, mái kè bằng tấm bê tông đúc sẵn. Hiện trạng kè còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Kè bảo vệ bờ biển thôn Mỹ Tân: Được xây dựng năm 2005, trên bờ biển đoạn qua thôn Mỹ Tân, xã Thanh Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 972.0m, kết cấu tường chắn sóng bằng bê tông, mái kè bằng đá hộc lát khan. Hiện trạng kè còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Kè chống sạt lở bờ biển thôn Mỹ Hiệp: Được xây dựng năm 2005, trên bờ biển đoạn qua thôn Mỹ Hiệp, xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 1.937m, kết cấu tường chắn sóng bằng bê tông, mái kè bằng đá hộc lát khan. Hiện trạng kè còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Kè chống sạt lở bờ biển thôn Khánh Hội: Được xây dựng năm 2012, trên bờ biển đoạn qua thôn Khánh Hội, xã Tri Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 536m, kết cấu tường chắn sóng bằng bê tông, mái kè bằng tấm bê tông đúc sẵn. Hiện trạng kè còn tốt.

+ Kè khu neo đậu tránh trú bão cho tàu cá Ninh Chũr: Được xây dựng năm 2010, trên bờ biển đoạn thị trấn Khánh Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến kè có chiều dài 2.082m, kết cấu mái kè bằng tấm bê tông đúc sẵn. Hiện trạng kè còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Đê biên bảo vệ khu vực Đầm Vua: Được xây dựng năm 2013, trên bờ biển đoạn qua xã Nhơn Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến đê có chiều dài 2.994m, kết cấu tường chắn sóng bằng bê tông, mái đê bằng tấm bê tông đúc sẵn. Hiện trạng đê còn tốt, đảm bảo ổn định.

+ Đê bao Đầm Nại : Được xây dựng năm 2012-2014, trên bờ biển đoạn qua thị trấn Khánh Hải và các xã Phương Hải, Tân Hải, Hộ Hải, huyện Ninh

Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Tuyến đê có chiều dài 6.151m, kết cấu mái đê bằng đá học lát khan. Hiện trạng đê còn tốt, đảm bảo ổn định

+ Kè suối Lò Ô thôn Vĩnh Hy: Được xây dựng từ năm 2021-2023, hai bên bờ suối Lò Ô đoạn qua thôn Vĩnh Hy, xã Vĩnh Hải, huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ sông, bảo vệ khu dân cư.

+ Kè chống sạt lở bờ biển bảo vệ dân cư xã Nhơn Hải và xã Thanh Hải huyện Ninh Hải, có nhiệm vụ chống sạt lở bờ biển, bảo vệ khu dân cư. Mới được xây dựng từ năm 2021-2023.

- Mạng lưới kênh tưới tiêu:

+ Hệ thống kênh tiêu Cầu Ngòi: Kênh có tổng chiều dài 7,203 km, có Nhiệm Vụ tiêu thoát lũ cho lưu vực 2682,0ha. Trong đó có diện tích khu dân cư 186,84 ha, khu canh tác nông nghiệp (lúa và hoa màu: 1604,91ha, khu nuôi trồng 222,41 ha), thuộc các xã của huyện Ninh Hải và Thành phố Phan Rang, tháp chàm. Hiện trạng công trình kênh Cầu Ngòi đoạn đi qua huyện Ninh Hải đã được kiên cố hóa.

+ Kênh tiêu Lê Đình Chinh: Kênh có tổng chiều dài 4,4km, có nhiệm vụ thoát lũ cho diện tích khoảng 500ha trong đó tiêu cho khu dân cư của thôn Công Thành và thôn Thành Ý và khu trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của xã Hộ Hải thuộc huyện Ninh Hải. kênh có chiều rộng 2,5m, chiều cao 3,0m. Hiện tại toàn tuyến kênh tiêu là kênh đất và đã được đầu tư kiên cố hóa 1 bờ kênh làm đường quản lý.

+ Kênh tiêu Mản Mản: Kênh có tổng chiều dài 2,95km, có nhiệm vụ thoát lũ điều tiết nước phục vụ trồng trọt, chăn nuôi, nuôi trồng thủy sản của các xã Xuân Hải và Hộ Hải thuộc huyện Ninh Hải. Do mưa, lũ vào đầu tháng 11 năm 2010 đã làm cho kênh tiêu Mản Mản bị bồi lắng nặng gây cản trở dòng chảy trên kênh. Do đó năm 2011 được Công ty TNHH MTV Khai thác Công trình thủy lợi đầu tư nạo vét khai thông dòng chảy với chiều rộng đáy kênh B=6-7m.

+ Kênh tiêu Suối tối - Gò thao: Kênh có tổng chiều dài 2,22km, có nhiệm vụ thoát lũ cho diện tích lưu vực 2774 ha trong đó tiêu cho diện tích dân cư, lúa và hoa màu là 700 ha các xã Bắc Phong thuộc huyện Thuận Bắc, xã Tân Hải và Xuân Hải thuộc huyện Ninh Hải;

+ Hệ thống thoát lũ Mỹ Tường và Hệ thống thoát lũ Mỹ Phong mới được xây dựng xong năm 2023, đã giải quyết tình trạng ngập úng khu dân cư và khu sản xuất các xã Nhơn Hải và Thanh Hải.

*** Hệ thống cấp nước và thoát nước đô thị và các điểm dân cư nông thôn**

- Hiện trạng cấp nước sinh hoạt cho đô thị Khánh Hải và vùng phụ cận (gồm: các thôn Tân An, thôn Khánh Hội, thôn Khánh Tường, Thôn Tri Thủy

của xã Tri Hải và các thôn Khánh Nhơn, thôn Khánh Phước, thôn Mỹ Tường 1 của xã Nhơn Hải) sử dụng nước Nhà máy nước Phan rang-Tháp Chàm; Công suất thiết kế: 52.000m³/ngày; Công suất khai thác 48.000 m³/ngày, đạt khoảng 92% Công suất thiết kế. Hiện nay nhà máy đang sử dụng nguồn nước thô từ hệ thống thủy lợi Nha Trinh – Lâm Cẩm, công trình thu nước thô được xây dựng tại đập Lâm Cẩm có Trạm bơm tăng áp Ninh Hải và Trạm bơm tăng áp Nhơn Hải: Xây dựng vào 4/2008 và hoàn thành 3/2009 với CS: 4.000m³/ngđ. Tổng chiều dài mạng lưới = 456.300m, trong đó: D > 100mm dài 173.300m. D < 100mm dài 283.000m.

- Khu vực nông thôn có 8 hệ thống cung cấp nước sinh hoạt với tổng công suất thiết kế 9089 m³/ngày, đêm. Trong đó có 5 hệ thống sử dụng nguồn nước Kênh Bắc của đập Nha Trinh – Lâm Cẩm; có 2 hệ thống sử dụng nguồn nước của Hồ nước ngọt; có 1 hệ thống sử dụng nguồn nước của suối Lô Ô, cụ thể như sau:

- Hệ thống thoát nước các đô thị và các điểm dân cư: Thị trấn Khánh Hải và điểm dân cư Cà Đú thoát nước mặt về Đầm Nại rồi ra biển Đông

Thoát nước thải tại các thị trấn, thị tứ hệ thống mương thoát nước chủ yếu là mương đất và các rãnh thoát nước. Nước thoát theo độ dốc địa hình về các vùng trũng rồi chảy vào sông, suối. Nước thải công nghiệp hầu hết chưa được xử lý theo yêu cầu về vệ sinh môi trường.

*** Hệ thống cấp điện**

- Nguồn điện: huyện Ninh Hải được cấp điện từ nguồn điện lưới quốc gia qua trạm 220/100kV - 2x125MVA Tháp Chàm 2 và trạm 110/22kV - 2x25MVA Ninh Hải.

- Phụ tải điện: có 100 thôn, khu phố và 99,9% hộ sử dụng điện lưới Quốc gia.

- Lưới điện: Trên địa bàn huyện đã có 165,299 km đường dây trung áp, 190,135 km đường dây hạ áp, 655 trạm biến áp với tổng công suất 655/50.846,5 kVA. Các công trình hệ thống điện trung áp liên xã đầu tư trên địa bàn huyện đồng bộ với hệ thống điện các xã, đảm bảo cấp điện an toàn, nhu cầu sử dụng điện.

+ Lưới 220kV có 3 tuyến: NMĐ Vĩnh Tân - Trạm 220kV Tháp Chàm 2; NMĐ Đa Nhim - Trạm 220kV Tháp Chàm 2; Trạm 220/110kV hiện hữu là trạm Tháp Chàm 2, công suất 2x125MVA.

+ Lưới 110kV có 3 tuyến: Trạm 220kV Tháp Chàm 2 - Trạm 110kV Tháp Chàm; Đa Nhim - Trạm 220kV Tháp Chàm 2 - Cam Ranh; Trạm 220kV Tháp Chàm 2 - Trạm 110kV Ninh Hải - Cam Ranh. Các trạm biến thế trung gian 110kV hiện có 2 trạm: Trạm Tháp Chàm 110/22kV - 2x40MVA; Trạm Ninh Hải 110/22kV - 2x25MVA.

+ Lưới phân phối trung thế có 3 tuyến, đã cải tạo và được xây dựng ở

cấp 22kV, một số tuyến vận hành ở cấp 15kV, cấu trúc tuyến là 3 pha 4 dây, trung tính nối đất trực tiếp và lặp lại. Phần lớn là đường dây trên không, tỷ lệ cáp ngầm không đáng kể, gồm các tuyến sau: Tuyến 575 Đô Vinh - Xuân Hải - Lợi Hải - Phước Kháng từ trạm 110kV Tháp Chàm, dùng dây AC185, chiều dài 30,43km; Tuyến 577 Phước Mỹ - Đài Sơn - Văn Hải - Khánh Hải từ trạm 110kV Tháp Chàm, dùng dây AC185 và AEV185, chiều dài 11,32km; Tuyến 478 Phương Hải - Nhơn Hải - Vĩnh Hải - Bắc Sơn từ trạm 110kV Ninh Hải, dùng dây ACKP185, chiều dài 16,1km.

*** Bưu chính viễn thông**

Mạng lưới thông tin liên lạc trên địa bàn huyện phát triển khá, bao gồm: bưu điện trung tâm huyện tại thị trấn Khánh Hải, 100% số xã đều có bưu cục, mô hình bưu điện văn hóa xã được mở rộng. Hiện nay có các bưu điện văn hóa xã và đại lý được phân bố hợp lý đến các điểm dân cư đã triển khai cung cấp các dịch vụ công ích, cung cấp sách báo cho người dân, các dịch vụ bưu chính trên mạng,... Số máy điện thoại tăng nhanh, cơ bản đáp ứng được yêu cầu thông tin liên lạc phục vụ sản xuất và nâng cao đời sống nhân dân.

Dịch vụ viễn thông: Các loại hình dịch vụ viễn thông và Internet đang được cung cấp trên địa bàn tỉnh gồm: Điện thoại cố định và các dịch vụ trên mạng điện thoại cố định; Dịch vụ điện thoại di động và dịch vụ truy nhập; Internet và các dịch vụ trên nền Internet.

Trên địa bàn tỉnh Ninh Thuận hiện có 3 nhà khai thác dịch vụ viễn thông chính gồm Tổng công ty Viễn thông Việt Nam -VNPT, Công ty Viễn thông quân đội (Viettel), Công ty viễn thông điện lực (EVN); Cơ sở hạ tầng viễn thông chủ yếu do VNPT xây dựng và quản lý. Công ty Viễn thông quân đội Viettel cũng đã xây dựng được phần lớn hạ tầng riêng. Còn lại các nhà cung cấp khác đều thuê lại hạ tầng viễn thông của VNPT. Các doanh nghiệp cung cấp dịch vụ thông tin di động: Vinaphone, Mobifone, Viettel, Vietnamobile, Gmobile.

Dịch vụ phát thanh truyền hình được cung cấp quảng bá, miễn phí từ Đài Truyền hình Việt Nam, Đài tiếng nói Việt Nam, Đài Phát thanh Truyền hình tỉnh Ninh Thuận và các địa phương. Ngoài ra có các Đài truyền hình cấp Ninh Thuận (NTTV) cung cấp tín hiệu cáp có tính phí tại thành phố Phan Rang - Tháp Chàm và dịch vụ truyền hình IPTV (Internet Protocol TV) của Tổng công ty Viễn thông Việt Nam -VNPT, Công ty Viễn thông quân đội (Viettel).

Mạng truyền dẫn liên tỉnh nhằm đảm bảo thực hiện kết nối liên tỉnh cho mạng điện thoại cố định của tỉnh và huyện, các mạng di động, POP Internet của các doanh nghiệp.... Chủ yếu do VNPT, Viettel, Mobiphone đầu tư quản lý và sử dụng, các doanh nghiệp khác thuê lại đường truyền hoặc trao đổi hạ tầng mạng. Mạng truyền dẫn quang của các doanh nghiệp có tỷ lệ

ngầm hóa thấp, còn lại là treo trên cột của doanh nghiệp và của điện lực. Mạng truyền dẫn viba của các doanh nghiệp chủ yếu của các doanh nghiệp di động mới.

Các dịch vụ truyền hình vệ tinh và truyền hình số mặt đất phát triển mạnh và góp phần nâng cao trình độ dân trí của người dân địa phương.

Đánh giá chung về tình hình kinh tế-xã hội

Nền kinh tế của huyện phát triển nhanh, chuyển dịch cơ cấu đúng hướng; tiềm năng lợi thế của huyện bước đầu được khai thác, gắn với đảm bảo môi trường. Hệ thống cơ sở hạ tầng phục vụ phát triển nông nghiệp, thủy sản được đầu tư xây dựng. Tỷ lệ đất sản xuất nông nghiệp được tưới, tiêu chủ động, đáp ứng yêu cầu về dân sinh và phòng chống thiên tai tại chỗ. Lòng ghép các nguồn vốn đầu tư các công trình thủy lợi, kiên cố hóa kênh mương 110 km. Đường trục chính nội đồng đảm bảo vận chuyển hàng hóa thuận tiện quanh năm có 98,83 km. Cảng cá Mỹ Tân và khu neo đậu tránh trú bão Ninh Chữ được nâng cấp mở rộng, Hệ thống neo đậu và tránh trú bão lạch Tri Thủy,... tạo điều kiện phát triển bền vững nghề cá, đường Đầm Nại được nâng cấp mở rộng đã nâng cao hiệu quả sản xuất thu mua, chế biến và tiêu thụ sản phẩm, tăng thu nhập cho ngư dân.

Phát triển công nghiệp: duy trì và phát triển các ngành công nghiệp chế biến nông, lâm, thủy sản, chế biến thực phẩm, đồ uống với nguồn nguyên liệu của địa phương. Các dự án năng lượng tái tạo có giá trị gia tăng lớn, tạo động lực cho tăng trưởng kinh tế.

Xây dựng: đẩy mạnh công tác quy hoạch xây dựng, đầu tư cơ sở hạ tầng, các tuyến đường huyện, đường xã, các dự án tam nông, công trình dân dụng, trường học. Diện mạo đô thị, nông thôn có nhiều khởi sắc.

Du lịch phát triển nhanh. Các loại hình du lịch sinh thái, du lịch công đồng, du lịch tâm linh, du lịch vườn, thể thao đa dạng, phong phú, thu hút được nhiều khách du lịch. Tiềm năng thế mạnh về du lịch ngày càng được khai thác hiệu quả.

An sinh xã hội được đảm bảo, đời sống nhân dân được cải thiện chất lượng nguồn nhân lực ngày càng được nâng cao. Chính trị - xã hội ổn định, quốc phòng an ninh được giữ vững. Là cơ sở để khai thác nguồn tài nguyên đất đai, khai thác tiềm năng du lịch, nông nghiệp, thủy sản phát triển nhanh hơn trong thời kỳ 2021-2030.

1.3. Tình hình quản lý đất đai

1.3.1. Hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

Trên cơ sở tổng hợp các nguồn dữ liệu: thống kê đất đai năm 2022 và kết quả thực hiện chuyển mục đích sử dụng đất, giao đất, cho thuê đất trong

kế hoạch sử dụng đất năm 2023 xác định hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Hải như sau:

Biểu 02: Hiện trạng sử dụng đất năm 2023.

ĐVT: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Co cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	Tổng diện tích tự nhiên		25358,09	100,00
1	Đất nông nghiệp	NNP	20943,66	82,59
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2275,92	8,98
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2211,02	8,72
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2962,65	11,68
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	940,86	3,71
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1886,05	7,44
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10176,87	40,13
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	858,12	3,38
1.7	Đất làm muối	LMU	1679,86	6,62
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	163,34	0,64
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3568,83	14,07
2.1	Đất quốc phòng	CQP	78,10	0,31
2.2	Đất an ninh	CAN	2,71	0,01
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	140,22	0,55
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	87,26	0,34
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	5,23	0,02
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1485,09	5,86
	Đất giao thông	DGT	561,60	2,21
	Đất thủy lợi	DTL	283,97	1,12
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,53	0,03
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,88	0,02
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào	DGD	53,44	0,21

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2023	Co cấu (%)
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
	tạo			
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	12,91	0,05
	Đất công trình năng lượng	DNL	54,40	0,21
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,22	0,005
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	262,88	1,04
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,12	0,02
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	21,98	0,09
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	212,08	0,84
	Đất chợ	DCH	3,08	0,01
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,71	0,01
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,09	0,0004
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	701,02	2,76
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	77,04	0,30
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,94	0,04
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,05	0,01
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,75	0,04
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	169,79	0,67
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	793,73	3,13
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,10	0,02
3	Đất chưa sử dụng	CSD	845,60	3,33

1.3.2. Biến động sử dụng đất từ năm 2022 đến năm 2023.

So sánh diện tích các loại đất của thống kê đất đai năm 2022 và hiện trạng sử dụng đất năm 2023 của huyện Ninh Hải cho thấy tình hình biến động sử dụng đất từ năm 2022 đến năm 2023 như sau:

Biểu 03: Biến động đất đai từ năm 2022 đến năm 2023.

ĐVT: ha

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2022	Diện tích năm 2023	Biến động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)- (4)
	Tổng diện tích tự nhiên		25358,09	25358,09	
1	Đất nông nghiệp	NNP	20947,97	20943,66	-4,31
1.1	Đất trồng lúa	LUA	2276,29	2275,92	-0,37
	Trong đó: Đất chuyên trồng lúa nước	LUC	2211,39	2211,02	-0,37
1.2	Đất trồng cây hàng năm khác	HNK	2962,76	2962,65	-0,11
1.3	Đất trồng cây lâu năm	CLN	941,61	940,86	-0,75
1.4	Đất rừng phòng hộ	RPH	1886,05	1886,05	
1.5	Đất rừng đặc dụng	RDD	10176,87	10176,87	
1.6	Đất nuôi trồng thủy sản	NTS	858,12	858,12	
1.7	Đất làm muối	LMU	1682,32	1679,86	-2,46
1.8	Đất nông nghiệp khác	NKH	163,95	163,34	-0,61
2	Đất phi nông nghiệp	PNN	3564,52	3568,83	4,31
2.1	Đất quốc phòng	CQP	78,10	78,10	
2.2	Đất an ninh	CAN	2,71	2,71	
2.3	Đất thương mại, dịch vụ	TMD	139,68	140,22	0,54
2.4	Đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp	SKC	87,26	87,26	
2.5	Đất sản xuất vật liệu xây dựng	SKX	5,23	5,23	
2.6	Đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã	DHT	1485,09	1485,09	
	Đất giao thông	DGT	561,60	561,60	
	Đất thủy lợi	DTL	283,97	283,97	
	Đất xây dựng cơ sở văn hóa	DVH	8,53	8,53	
	Đất xây dựng cơ sở y tế	DYT	4,88	4,88	

ST T	Chỉ tiêu sử dụng đất	Mã	Diện tích năm 2022	Diện tích năm 2023	Biến động
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)=(5)- (4)
	Đất xây dựng cơ sở giáo dục và đào tạo	DGD	53,44	53,44	
	Đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao	DTT	12,91	12,91	
	Đất công trình năng lượng	DNL	54,40	54,40	
	Đất công trình bưu chính, viễn thông	DBV	1,22	1,22	
	Đất có di tích lịch sử - văn hóa	DDT	262,88	262,88	
	Đất bãi thải, xử lý chất thải	DRA	4,12	4,12	
	Đất cơ sở tôn giáo	TON	21,98	21,98	
	Đất làm nghĩa trang, nhà tang lễ	NTD	212,08	212,08	
	Đất chợ	DCH	3,08	3,08	
2.7	Đất sinh hoạt cộng đồng	DSH	3,71	3,71	
2.8	Đất khu vui chơi, giải trí công cộng	DKV	0,09	0,09	
2.9	Đất ở tại nông thôn	ONT	697,30	701,02	3,72
2.10	Đất ở tại đô thị	ODT	76,99	77,04	0,05
2.11	Đất xây dựng trụ sở cơ quan	TSC	8,94	8,94	
2.12	Đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp	DTS	2,05	2,05	
2.13	Đất cơ sở tín ngưỡng	TIN	9,75	9,75	
2.14	Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối	SON	169,79	169,79	
2.15	Đất có mặt nước chuyên dùng	MNC	793,73	793,73	
2.16	Đất phi nông nghiệp khác	PNK	4,10	4,10	
3	Đất chưa sử dụng	CSD	845,60	845,60	

a) Biến động diện tích đất nông nghiệp

Diện tích đất nông nghiệp năm 2023 so với năm 2022 biến động giảm 4,31 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp. Trong nhóm đất nông nghiệp có 03 loại đất không biến động so với năm 2022 (đất rừng phòng hộ, đất rừng đặc dụng và đất nuôi trồng thủy sản), .. loại đất còn lại có biến động diện tích so với năm 2022, cụ thể sau:

- Đất trồng lúa giảm 0,37 ha, do chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,37 ha, trong đó: chuyển sang đất thương mại, dịch vụ 0,11 ha, chuyển sang đất ở nông thôn 0,26 ha.

- Đất trồng cây hàng năm khác biến động giảm 0,11 ha so với năm 2022; trong đó thực giảm 2,55 ha do chuyển sang đất phi nông nghiệp (chuyển sang đất ở nông thôn 2,55 ha); thực tăng 2,44 ha do chuyển từ đất làm muối (tại xã Tri Hải).

- Đất trồng cây lâu năm biến động giảm 0,75 ha so với năm 2022, do chuyển sang đất phi nông nghiệp 0,75 ha, trong đó: đất thương mại dịch vụ 0,41 ha, đất ở nông thôn 0,32 ha, đất ở đô thị 0,02 ha.

- Đất làm muối năm biến động giảm 2,46 ha so với năm 2022, do chuyển sang đất trồng cây hàng năm khác.

- Đất nông nghiệp khác biến động giảm 0,61 ha so với năm 2022, do chuyển sang đất phi nông nghiệp, trong đó: đất ở nông thôn 0,586 ha, đất ở đô thị 0,029 ha.

b) Biến động diện tích đất phi nông nghiệp

Diện tích đất phi nông nghiệp biến động tăng 4,31 ha so với năm 2022, do chuyển từ đất nông nghiệp 4,31 ha. Trong nhóm đất phi nông nghiệp có 26 loại đất không biến động so với năm 2022 (1/ đất quốc phòng, 2/ đất an ninh, 3/ đất cơ sở sản xuất phi nông nghiệp, 4/ đất sản xuất vật liệu xây dựng, 5/ đất phát triển hạ tầng cấp quốc gia, cấp tỉnh, cấp huyện, cấp xã, 6/ đất giao thông, 7/ đất thủy lợi, 8/ đất xây dựng cơ sở văn hóa, 9/ đất xây dựng cơ sở y tế, 10/ đất xây dựng cơ sở giáo dục, 11/ đất xây dựng cơ sở thể dục thể thao, 12/ đất công trình năng lượng, 13/ đất công trình bưu chính, viễn thông, 14/ đất có di tích lịch sử - văn hóa, 15/ đất bãi thải, xử lý chất thải, 16/ đất cơ sở tôn giáo, 17/ đất nghĩa trang, nhà tang lễ, 18/ đất chợ, 20/ Đất sinh hoạt cộng đồng, 21/ đất khu vui chơi giải trí công cộng, 22/ đất ở đô thị, 23/ Đất xây dựng trụ sở cơ quan, 24/ đất xây dựng trụ sở của tổ chức sự nghiệp, 25/ Đất sông, ngòi, kênh, rạch, suối, 26/ đất có mặt nước chuyên dùng, 27/ đất phi nông nghiệp khác); có .. loại đất biến động diện tích so với năm 2022, cụ thể như sau:

- Đất thương mại dịch vụ tăng 0,54 ha so với năm 2022, do chuyển từ đất nông nghiệp 0,54 ha, trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 0,11 ha, đất trồng cây lâu năm 0,41 ha, đất làm muối 0,02 ha.

- Đất ở nông thôn tăng 3,72 ha so với năm 2022, do chuyển từ đất nông

nghiệp 3,72 ha, trong đó: đất chuyên trồng lúa nước 0,265 ha, đất trồng cây hàng năm khác 2,554 ha, đất trồng cây lâu năm 0,32 ha, đất nông nghiệp khác 0,586 ha.

- Đất ở đô thị tăng 0,05 ha so với năm 2022, do chuyển từ đất nông nghiệp 0,05 ha, trong đó: đất trồng cây lâu năm 0,02 ha, đất nông nghiệp khác 0,03 ha..

c) Biến động diện tích đất chưa sử dụng

Diện tích đất chưa sử dụng năm 2022 so với năm 2021 không có biến động.

1.3.3. Công tác quản lý quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất

- Sau khi kế hoạch sử dụng đất năm 2023 của huyện được UBND tỉnh phê duyệt; UBND huyện đã tổ chức công bố công khai kế hoạch sử dụng đất để mọi tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết và thực hiện.

- Phòng Tài nguyên và Môi trường đã hướng dẫn UBND các xã, thị trấn; các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân biết về quy trình đăng ký nhu cầu chuyển mục đích sử dụng đất hàng năm theo quy định của Luật Đất đai năm 2013.

- Việc quản lý, sử dụng đất trên địa bàn huyện sau khi QH, KHSD đất được phê duyệt đến nay thực hiện tốt; không phát sinh các trường hợp sử dụng đất sai quy hoạch được duyệt.

1.4. Đánh giá chung về điều kiện tự nhiên, kinh tế, xã hội và môi trường

1.4.1. Các lợi thế

Huyện Ninh Hải có đầy đủ các lợi thế về tự nhiên, kinh tế- xã hội.

Trong đó:

- Về tự nhiên: Huyện Ninh Hải có vị trí khá thuận lợi, gần trung tâm thành phố Phan Rang-Tháp Chàm, gần sân bay Quốc tế Cam Ranh, có vườn Quốc gia Núi Chúa gắn liền với bờ biển có nhiều cảnh đẹp là một lợi thế tự nhiên rất lớn để phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng; Khí hậu nhiệt đới gió mùa, số giờ nắng cao cộng với gió quanh năm nhưng ít có bão lớn là một lợi thế so sánh bậc nhất để phát triển năng lượng tái tạo; Lạch Tri Thủy nối liền Đầm Nại với Biển Đông là nguồn tài nguyên lớn để nuôi trồng thủy sản, khai thác hải sản, sản xuất muối... và được xác định trở thành trung tâm du lịch, kinh tế biển của tỉnh Ninh Thuận.

- Về kinh tế - xã hội: Nền kinh tế của huyện những năm qua phát triển nhanh, chuyển dịch cơ cấu đúng hướng; tiềm năng lợi thế của huyện bước đầu được khai thác, gắn với đảm bảo môi trường. Sản xuất nông, lâm nghiệp, thủy sản phát triển theo hướng bền vững. trong đó:

+ Về trồng trọt đã hình thành các vùng sản xuất chuyên canh tập trung, các mô hình chuyên đổi, luân canh cây trồng, đa dạng hóa sản phẩm, giá trị kinh tế cao, tiết kiệm nước tưới; các phương pháp canh tác cây trồng cạn, thích

ứng với biến đổi khí hậu đã được nông dân tiếp cận; các sản phẩm đặc thù của huyện như nho, táo, tỏi, măng tây phát triển mạnh nhờ đó hiệu quả sử dụng đất về mặt kinh tế được tăng cao, môi trường nông nghiệp được cải thiện.

+ Về chăn nuôi phát triển theo hướng an toàn, nâng cao chất lượng và hiệu quả kinh tế; ổn định tổng đàn gia súc, gia cầm.

+ Trong lâm nghiệp chú trọng công tác bảo vệ rừng, bảo tồn đa dạng sinh học Vườn Quốc gia Núi Chúa mang lại hiệu quả cao, góp phần nâng cao tiềm năng lợi thế phát triển du lịch sinh thái nghỉ dưỡng cho dải ven biển Ninh Hải; công tác trồng rừng phòng hộ ven Đầm Nại đang góp phần cải tạo môi trường sinh thái rừng ngập mặn ven biển.

+ Nuôi trồng thủy sản có qui mô ổn định (khoảng 600 ha) nhiều mô hình nuôi trồng thủy sản có hiệu quả được nhân rộng; sản xuất giống thủy sản phát triển mạnh chiếm ưu thế của tỉnh với 316 cơ sở sản xuất giống có sức cạnh tranh cao.

+ Khai thác hải sản được tổ chức lại, năng lực tàu thuyền có công suất lớn, hậu cần nghề cá đáp ứng kịp thời, các tổ đoàn kết sản xuất trên biển được thành lập, đầu tư ứng dụng khoa học kỹ thuật hiện đại vào khai thác hải sản đã mang lại hiệu quả ngày càng cao.

+ Nghề muối được chú trọng đầu tư phát triển, ngoài việc sản xuất muối truyền thống trên nền đất sản xuất muối sạch trái bạt đã có nhiều hộ diêm dân đầu tư, chất lượng muối kết tinh và giá bán cao, ổn định.

Công tác quy hoạch đô thị và không gian du lịch được đẩy mạnh, đã hình thành các cụm du lịch Vĩnh Hy, Ninh Chữ - Đầm Nại, có nhiều dự án được đầu tư đưa vào sử dụng. Hệ thống giao thông tương đối thuận lợi, đặc biệt tuyến đường ven biển (ĐT 702) và tuyến đường vành đai phía Bắc tỉnh Ninh Thuận đã xây dựng là điều kiện thuận lợi để huyện Ninh Hải khai thác tốt hơn nữa các tiềm năng du lịch của huyện.

- Về chủ trương chính sách của nhà nước: Nghị quyết 115/NQ-CP ngày 31/8/2018 của Chính Phủ về việc thực hiện một số cơ chế, chính sách đặc thù hỗ trợ tỉnh Ninh Thuận phát triển Kinh tế - xã hội, ổn định sản xuất, đời sống nhân dân giai đoạn 2018-2023 là một lợi thế để thu hút đầu tư phát triển năng lượng tái tạo, khu du lịch quốc gia Bình Tiên – Vĩnh Hy,...

- Nghị quyết Đại hội Đảng bộ huyện Ninh Hải lần thứ XII nhiệm kỳ 2020-2025 đã xác định: Thực hiện tốt công tác quy hoạch, quản lý quy hoạch, quản lý xây dựng và đất đai, môi trường; Đẩy mạnh công tác bồi thường, giải phóng mặt bằng để triển khai thực hiện các dự án đầu tư xây dựng đảm bảo chất lượng, đúng tiến độ là một trong những nhiệm vụ, giải pháp để thực hiện các mục tiêu phát triển KT-XH từ 2021-2025.

1.4.2. Những hạn chế.

- Khí hậu khô nóng, gió quanh năm thuận lợi cho phát triển năng lượng

tái tạo, sản xuất muối, thu hút khách du lịch biển nhưng gây hạn hán ảnh hưởng đến sản xuất ngành trồng trọt do thiếu nước tưới.

- Tình hình biến đổi khí hậu dẫn đến thiên tai, dịch bệnh diễn biến phức tạp khó lường.

- Chuyên dịch cơ cấu kinh tế tuy đúng hướng nhưng còn chậm. Nguồn lực cho đầu tư phát triển còn hạn chế. Kết cấu hạ tầng phục vụ sản xuất còn thiếu.

- Các chính sách về đất đai, quy hoạch, bồi thường giải phóng mặt bằng thường xuyên thay đổi, chưa đồng bộ, khó khăn khi áp dụng vào thực tế.

- Công tác lãnh đạo, chỉ đạo của một số cấp ủy, chính quyền địa phương thiếu quyết liệt; công tác cán bộ có khó khăn còn hạn chế.